

Ind 9893.41

HARVARD
COLLEGE
LIBRARY



BOUGHT WITH THE INCOME OF THE
JOHN L. WARREN FUND

11.2

SÁCH QUAN CHẾ //

DES

TITRES CIVILS ET MILITAIRES FRANÇAIS

AVEC LEUR TRADUCTION EN QUỐC-NGŨ

LES SIX MINISTÈRES DE L'ANNAM ET LEUR COMPOSITION,
ORGANISATION CIVILE ET MILITAIRE

PAR

PAULUS CỦA,

ĐỐC PHỦ SỨ

Officier de l'Ordre royal du Cambodge

(IN LẦN THỨ NHẤT)

SAIGON

BẢN IN NHÀ NƯỚC

1888

Ind 9893.41

✓



J. Warren

制官

QUAN CHẾ

Một đời phải có thể chế trong một đời, một nước phải có thể chế trong một nước. Từ Nhà nước Langsa chiêm cứ đất Nam-kỳ, trong sự trí quan phân chức, tuy trong tiếng Langsa đều có nghĩa phân biệt, mà bởi quan chế bất đồng, ngôn ngữ khác xa, có dịch ra thì lấy ý thể cả, khó theo cho hết nghĩa. Bởi đó trong sự xưng hô chức tước, nhiều chỗ không nhằm, muốn để y theo tiếng Tây, thì lại không tiện cho nhiều người, cũng chẳng khỏi điều lăm lặc.

Vậy chúng ta xét coi hội điển nhà Thanh, hội điển Nam-việt, lấy bên quan chế, sánh so lập làm quan chế riêng Nam-kỳ, cả thấy có hai tập: tập đầu nói về chức tước ti thuộc quan Langsa; tập thứ hai thì là chức tước ti thuộc quan Annam, trước là cho tiện trong việc xưng hô, sau là cho trọng sự thể nhà nước. Vả xét trong một Quân hạt rất lớn như đất Nam-kỳ, trên có quan Thông đốc cả thủy lục binh dân, dưới có các đại viên phân lãnh các ti thuộc, ngoài có các quan địa phương, lãnh hay các địa phận, đều có ti thuộc riêng, chức phận cao thấp không đồng, muốn cho phân biệt, chúng ta phải tham dụng chữ nhu, tiếng Annam mà dịch như sau đây.

PREMIÈRE PARTIE

RÉPUBLIQUE FRANÇAISE. — NHA NƯỚC LANGSA, ĐẠI PHÁP
CỘNG CHỦ QUỐC.

Président de la République.	Chủ việc Chánh chung, Giám quốc.
Secrétaire d'État.	Trung thư lệnh, Thượng thư.
Sous-secrétaire d'État	Phó Thượng thư, Nhị khanh, Thị trung, Tham tri.

MINISTÈRES. — BỘ VIỆN.

Ministres.	Các Thượng thư.
Ministre des affaires étrangères.	Chức Tổng lý ngoại vụ, Thượng thư Ngoại bộ, 外部
Garde des sceaux, Ministre de la justice et des cultes.	Chức Chương ấn, làm Thượng thư Bộ hình, Bộ lễ.
Ministre de l'intérieur.	Lại bộ Thượng thư, Nội bộ, 內部
Ministre des finances.	Hộ bộ Thượng thư.
Ministre de la guerre.	Binh bộ Thượng thư.
Ministre de la marine et des colonies.	Thượng thư thủy kiêm các quản hạt, Thủy bộ, 水部
Ministre de l'instruction publique et des beaux-arts.	Quan quản lý Quốc học cùng các cuộc cơ trí; Giáo bộ Thượng thư.
Ministre des travaux publics.	Công bộ Thượng thư.
Ministre du commerce.	Quan Thượng thư hay bộ thương chánh, Quản lý thương bạc, Thương bộ.

Ministre des postes et télégraphes.	Quan Thượng thư đồng việc thông chánh cùng dây thép, Điện bộ.
Ministre de l'agriculture.	Quan Thượng thư đồng lý nông chánh, cũng kêu là Nông bộ, 農部
Conseil des Ministres.	Hội bộ nghị, Hội đình thần.
Sénat.	Hội công đồng; Cơ mật viện; Thượng nghị viện.
Chambre des Députés.	Hội thân sĩ, 紳士. Hạ nghị viện.

COCHINCHINE FRANÇAISE. — NAM-KỲ THUỘC ĐỊA LANGSA.

Gouverneur.	Thông đốc, Tổng đốc (1).
État-major du Gouverneur.	Bộ thuộc quan Thông đốc.
Chef d'état-major.	Tán lý.
Aide de camp.	Mộ tân, Trưởng sử.
Officier d'ordonnance.	Quan chấp sự.
Cabinet du Gouverneur.	Phòng văn quan Thông đốc.
Chef du cabinet.	Tá lãnh phòng văn.
Sous-chef du cabinet.	Phó tá lãnh.
Secrétaire particulier.	Nội hàn, ký thất, tùy biện.
Bureau politique,	Phòng việc bang giao,
Bureau militaire.	Phòng binh.
Chargé des affaires diplomatiques et internationales.	Quan lãnh việc bang giao, sứ sự.
Commis rédacteur.	Lục sự, 錄事; trước tác, 著作
Bureau des interprètes.	Ti nhơn hành, 司人行

(1) Bây giờ có Gouverneur général de l'Indo-Chine française, thì là Đông-dương thuộc địa Tổng thông toàn quyền Khâm mạng đại thần, Kiểm lý.

Interprète principal.

Đô sự hành nhơn ti, 都事
行人司; ti chánh, 司正;
ti phó (1), 司副

Interprète.

Thông sự; thông ngôn.

Secrétaire.

Ký lục; thơ ký.

Lettré.

Sĩ nhơn, ký lục.

CONSEIL PRIVÉ. → PHÒNG HIỆP NGHỊ, CƠ MẬT.

Gouverneur, *président*.

Quan Thông đốc, *đổng lý*.

Membres du Conseil privé.

Phái viên phòng hiệp nghị,
đổng phái.

Conseiller privé titulaire.

Chánh phái viên phòng hiệp
nghị.

Secrétaire archiviste.

Điền sử, Chủ bộ.

Conseil du contentieux.

Hội nghị về quyền phép cai trị.
(Ngoài phép tam tòa).

DÉPUTATION. — CUỘC PHÁI THÂN SĨ.

Député.

| Công phái; Thân sĩ; Đầu nhơn.

CONSEIL COLONIAL. — HỘI NGHỊ SỰ QUAN HẠT.

Président.

| Đầu hội, chủ hội.

Membres.

| Phái viên, đồng phái.

Conseil d'arrondissement.

| Hội nghị sự địa phận, hội
hương chức.

Conseil de défense.

| Hội nghị việc thù bị (hội quân
cơ), vô bị.

(1) Đời nhà Minh, ti hành nhơn đặt có ti chánh, ti phó. Từ đời Thiệu-trị
đặt có chủ sự, đội trưởng, bát, cửu phẩm.

CORPS DE LA MARINE. — BỘ THUỘC BỀN THỦY.

Station navale de Cochinchine.	Đạo thủy Nam-kỳ.
État-major général.	Bộ thuộc chung.
Chef de division commandant de la station navale.	Quan thủy sư, Chương thủy.
Capitaine de vaisseau.	Quan năm vành vàng, Quản đốc tàu chiến.
Capitaine de frégate.	Quan năm vành ba vàng, hai bạc, Quản đốc tàu chiến bạc nhì.
Lieutenant de vaisseau.	Quan ba, Thiên tòng, 千總
Adjudant de division.	Quản việc.
Enseigne de vaisseau.	Quan hai, Bá tòng, 把總
Officier en second.	Phó việc.
Commissaire de division.	Quản việc binh lương.
Mécanicien.	Khán cơ.
Aspirant.	Hậu bổ.

ARSENAL DE SAIGON. — KHO HAO PHÁO SAIGON, VÕ KHÒ.

Ingénieur.	Bác vật, Giám công.
Sous-ingénieur.	Phó Bác vật, phó Giám công.
Sous-agent administratif, chef de comptabilité.	Chủ việc thơ toán, Điền bộ.
Garde-magasin.	Chức coi kho.
Commis des directions de travaux.	Độc việc.
Conducteur des travaux hydrauliques.	Độc việc dâng nước, Đò thủy.

SERVICE MILITAIRE. — VIỆC BINH.

Général de brigade d'infanterie de marine.	Quan sáu vành vàng, Thông lãnh các đạo binh bộ thuộc về thủy, Đề đốc.
Commandant supérieur des troupes.	Thông lãnh các đạo binh, Thông lãnh.
État-major des places.	Bộ thuộc việc ngoài dinh trại.
Chef de bataillon, major de garnison.	Quan tư, làm Quản lãnh.
Capitaine adjudant de garnison.	Quan ba, làm Quản việc.

DIRECTION D'ARTILLERIE. — CUỘC QUẢN ĐỐC VỀ SÚNG LỚN.

Chef d'escadron, directeur.	Quản đốc cuộc súng xe.
Adjoint au directeur.	Phó Quản đốc.

DIRECTION DU GÉNIE. — CUỘC ĐỐC LÃNH CÔNG VỤ THEO VIỆC BINH BỘ, BINH BỊ ĐẠO.

Chef de bataillon, directeur.	Độc binh, Độc lãnh.
Capitaine, adjoint au directeur.	Quan ba, làm phó Độc lãnh.
Chef du génie.	Quan Thủ bị.

GENDARMERIE. — CUỘC TUẤN THÀNH.

Commandant du détachement.	Thành thủ huy, Độc toán.
----------------------------	--------------------------

ARTILLERIE. — CUỘC MÀ PHÁO.

Chef d'escadron, commandant.	Độc lãnh.
------------------------------	-----------

INFANTERIE DE MARINE. — CUỘC BINH BỘ THEO VIỆC THUY.

Régiment de marche.	Đạo bộ.
---------------------	---------

Colonel.	Quan năm vành vàng, chánh Tổng lãnh.
 Lieutenant-colonel.	Quan năm có xen ba vành hai bạc, phó Tổng lãnh.
Chef de bataillon.	Quan tư, Quản lãnh.
Capitaine.	Quan ba, Thiên tổng.
Lieutenant.	Quan hai, Bả tổng.
Sous-lieutenant.	Quan một, Bang biện.
Capitaine adjudant-major.	Quan ba làm chánh việc.
Lieutenant officier payeur.	Quan hai lãnh việc phát lương.
Médecin aide-major.	Quan điều hộ.
Capitaine comptable.	Quan ba hay việc thơ toán, chủ bộ.

Tirailleurs indigènes.	Lính pháo thủ bốn hạt (chữ pháo thủ chỉ nghĩa là tay súng). Lính tập.
------------------------	---

JUSTICE MILITAIRE. — QUÂN CHÁNH.

Conseil de révision.	Hội tra điểm về việc binh.
Conseil de guerre permanent.	Tòa binh thường, xuyên; có đồng lý, có đề thẩm, có phái hù, có đại đề, có thơ ký.

COMMISSARIAT. — ĐẠO LÃNH VIỆC LƯƠNG TỪ.

Chef du service administratif.	Quan Hộ tào trưởng, quan Đong việc lương từ.
Commissaire de la marine.	Quan năm vành bạc, Đồng việc lương từ thuộc thủy.
Commissaire-adjoint.	Quan tư vành bạc, làm Tham lãnh.

Sous-commissaire.	Quan ba vành bạc, làm phó việc.
Aide-commissaire.	Quan hai vành bạc, làm phụ việc.
Commis de marine.	Bang biện thủy, Thừa biện.

INSPECTION DES SERVICES ADMINISTRATIFS ET FINANCIERS
DE LA MARINE ET DES COLONIES.
ĐẠO GIÁM SÁT VIỆC BÌNH LƯƠNG, KHO TÀNG THUỘC VỀ THỦY
CÙNG CÁC QUẢN HẠT.

Inspecteur.	Quan Giám sát, Ngự sử.
Inspecteur-adjoint.	Phó Giám sát, phó Ngự sử.

SERVICE MÉDICAL. — VIỆC ĐIỀU HỘ.

Corps de santé de la marine.	Ti điều hộ thuộc thủy.
Médecin en chef.	Quan năm vành vàng, quản việc điều hộ.
Médecin principal.	Ngự y, Y chánh.

Conseil de santé.	Hội đồng lương y.
-------------------	-------------------

Conseil d'hygiène et de salu- brité.	Hội lo việc dự phòng cho khỏi tật bệnh. Huệ dân cuộc.
---	--

— Ti điều hộ, có quan ba, quan hai, quan một, cùng có nhiều
hạng: có ông hay việc trồng trái, có ông hay việc mổ xẻ, có
ông hay việc làm thuốc cho trâu, ngựa vằn vằn, nghĩa là hay
về: *ngưu mã kinh*.

SERVICE PHARMACEUTIQUE. — CUỘC DỰ TRỮ BÀO CHÊ
THUỐC TÂY.

Pharmacien principal.	Tổng cuộc bào chế.
Pharmacien de 1 ^{re} classe.	Chủ việc bào chế hạng nhứt, lại có hạng nhì, hạng ba, danh phận không đồng.

DIRECTION DE L'INTÉRIEUR. — THÔNG LÝ NHÀ SỞ, NỘI BỘ.

Administration centrale.	Cuộc Thông lý.
Directeur de l'intérieur.	Quan Thông lý, Nội bộ.

— Bên Hồng-kông cùng các nơi khác, người Trung-quốc dịch chức ấy là : Phụ chánh sứ. Thông, là tổng tóm ; lý, là chuyên hay, sửa trị.

SECRETARIAT GÉNÉRAL. — TÁ LÝ, HIỆP LÝ.

— Chủ việc khai mở văn thư. — Nhứt ký cùng gìn giữ tờ giấy bên Bộ. — Độc sức các phòng việc. — Coi xét các việc ẩn mật cùng lưu nha. — Có commis principal (chánh thương biện). — Có commis de comptabilité (thư toán), có biện sự cùng thông sự giúp riêng.

Tì thuộc có bốn phòng.

1^{er} BUREAU. — PHÒNG NHỨT.

— Chuyên biện về sổ ngạch người Tây, cùng người bản hạt. — Cấp bằng. — Thuyên bổ. — Giã hạn (cho nghỉ). — Hối quán. — Tước thưởng. — Chú bộ (vào bộ). — Thông tính cấp phát giấy lãnh tiền. — Việc nhà thương cùng lương thực. — Chánh bổng, phụ bổng. — Y phục. — Việc binh cùng đồ cấp theo binh. — Xét, dọn sổ chi tiêu. — Coi về tiền hội trong cuộc Thông lý, cùng công việc người bản hạt.

Chef de bureau.	Thủ lãnh ; có nhứt, nhì, hai hạng. (Quan đầu phòng).
Sous-chef de bureau.	Phó Thủ lãnh ; có nhứt, nhì, hai hạng.
Commis principal.	Chánh thương biện, Lục sự, có nhiều hạng.

Commis rédacteur.	Trước tác lang, thơ thủ có nhiều hạng; có thông sự, ký lục Annam, nhà thơ, thơ ký.
Commis de comptabilité.	
	Tri sự hay việc thơ toán, Cai hạp, có nhiều hạng.

2^e BUREAU. — PHÒNG NHÌ.

— Chuyên về công việc cầu-đường, nhà cửa, cùng các sở coi việc. — Chịu giấy làm giá cả. — Giấy hiệp đồng, lãnh biện vật hạng cùng công việc làm. — Suy tính, làm giấy lãnh tiền về đồ dùng cùng công việc làm. — Các kho dự trữ, cấp phát vật hạng. — Đồ dùng cùng đồ công nhu cho các phòng. — Việc đường sá. — Phân đường lộ, lấy mực cắt nhà, mực đường. — Xét dọn bộ sổ vật hạng, cùng bộ sổ công việc làm.

Có chánh, phó thủ lãnh cùng các chức việc y như phòng nhứt; các phòng sau cũng vậy.

3^e BUREAU. — PHÒNG BA.

— Chuyên về sở bộ chung. — Canh nông, kỹ nghệ, buôn bán, tàu thuyền. — Giao thông ngoại quốc. — Việc sửa trị. — Việc làm phước; cuộc làm phước, nhà nuôi bệnh. — Việc giáo hóa, lễ nhạc. — Việc tuần sai. — Việc án. — Việc khám đường, đồ lưu. — Bộ sanh-tử, hôn-thú. — Việc bảo giáp. — Thâu giữ sách vở. — Công việc thông dịch. — Truyền rao. — Gia-định-công-văn, Gia-định-báo, hội điển, điều lệ thuộc về dinh Thông lý. — Họa đồ, bản đồ. — Cuộc nhà in.

4^e BUREAU. — PHÒNG TƯ.

— Chuyên việc thông tính chung. — Xét dọn sổ thầu. — Nhóm các chuyện nói về sổ bộ và lập bộ. — Phân cấp tiền chuẩn. — Lượng bỏ. — Sổ thầu. — Thuê chánh ngạch. — Tra xét bộ thuế, cùng các việc trưng thầu thuế lệ. — Thuê ngoại ngạch. — Trường nha phiên, rượu nếp. — Việc thủy lợi cùng các hộ khác. — Chuyên biện các việc xuất phát bên Quản hạt. — In rao sổ mục. — Thông tính tiền bạc chuẩn trước. — Cuộc tiền bạc. — Lập phép giúp tiền. — Cuộc coi việc công thổ cùng của Nhà nước, gài bộ sổ, làm chứng, các phần tuyết tự. — Cuộc khám đặc. — Tiền bạc sở nhà thơ, dây thép. — Phòng tân đáo. — Kho dầu lửa.

5^e BUREAU. — PHÒNG NĂM (Mới đặt thêm).

BUREAU DES INTERPRÈTES. — PHÒNG THÔNG NGÔN,
CÓ ĐỘ SỰ LÀM THỦ LÃNH, TI CHÁNH.

Interprète principal.	Đô sự, có hai hạng.
Lettre principal.	Lục sự, có hai hạng (kính lịch).
Secrétaire principal.	Thông phán, đô sự.

— Thông sự, sĩ nhơn, đều có nhứt, nhì, tam, ba hạng, lại có bậc thí sai, hậu bỏ, cũng như vị nhập lưu thơ lại.

Planton chef.	Đội hầu giấy.
Plantons.	Các lính hầu giấy, thuộc sai (đi giấy).

Các viên quan có phân cai quản các địa hạt từng dinh
Thông lý :

Inspecteur, mới cải là : Administrateur principal.

Administrateur principal.	Tuyên phủ sứ ; chữ tuyên chỉ nghĩa là truyền rao giáo hóa ; chữ phủ chỉ nghĩa là phủ trị cho yên (chánh tam phẩm.) Nguyên là chức Giám đốc.
---------------------------	---

Administrateur.	Độc lý, hay là quản đạo, lãnh việc cai trị, Đạo đài, (chức tham biện bây giờ). Độc, là độc sức; lý, là sửa sang việc trị lý. Đạo đài, (chánh tứ phẩm.)
Administrateur stagiaire.	Tham biện hậu bổ.

Ti thuộc Đốc lý, có :

Secrétaire d'arrondissement.	Bang biện, thơ ký địa hạt.
Percepteur.	Giám thu, Tài phó, Điền thu, Cai lại.

Có tùy biện, thơ ký, thông sự, ký lục.

Độc phủ sứ là chức trên tri phủ, ưng cai là : An phủ sứ, tùng tứ phẩm; chữ an phủ chỉ nghĩa là : vỗ về trị yên.

Tri phủ có hai hạng, tri huyện cũng có hai hạng; các cai, phó tổng đều có ba hạng.

Secrétaire titulaire.	Chánh thơ ký.
Secrétaire auxiliaire.	Phó thơ ký.
Élève secrétaire.	Thơ ký thí sai.
Secrétaire surnuméraire.	Thơ ký ngoại ngạch, đài khuyết.

Về lettré. — Là sĩ nơnon cũng vậy.

Võ chức.

Garde.	Thuộc binh, bỏ giúp việc tùng các quan đốc lý địa hạt, thú binh.
--------	--

Có chánh quản, phó quản (kêu theo thói quen).

Sergent-major.	Đội trưởng, chính nghĩa là cai thật thọ.
Sergent.	Cai.
Sergent-fourrier.	Thơ lại.
Caporal.	Bếp việc.
Miliciens.	Lính lệ, tuần sai.

INSTRUCTION PUBLIQUE. — QUAC HỌC, QUAN HỌC,
VIỆC DẠY HỌC, PHÉP QUẢNG HỌC.

Direction de l'enseignement.	Học chánh đường.
Directeur.	Đề học, Đốc học.

Ti thuộc có :

Inspecteur des écoles de quốc- ngữ.	Độc biện các trường quốc- ngữ ; Giám thừa.
--	---

Có thơ ký, thông sự, học lục, lục sự, chuyên đốc việc giáo
huân.

Commission supérieure de l'instruction publique.	Hội đồng lớn coi về việc dạy học.
---	--------------------------------------

Có quan Thông lý làm chủ, có nhiều viên quan cùng giáo
chức làm đồng phái.

Collège Chasseloup-Laubat.	Trường lớn đặt tên Chasse- loup-Laubat, cùng nên gọi là nhà quốc học.
Directeur.	Quản đốc, Cai trường.
Sous-directeur.	Phó quản đốc, phó cai trường.
Professeur.	Giáo sĩ, giáo thọ, giáo sư.
Économe.	Cai việc, giữ việc.

— Có giáo sĩ Tày, giáo sĩ Annam, đông người phân ra nhiều
hạng.

Professeur de caractères chinois.	Thầy dạy chữ nhu, huân học, huân nghiệp.
Instituteur.	Huân học, giáo tập.
Répétiteur.	Trợ giáo.
Surveillant.	Biện việc, trò giám.
Autographiste.	Lãnh việc in bản đá.
École primaire (préparatoire).	Trường sơ học, trường học vỡ lòng.
École secondaire.	Trường nhì.
Externat.	Trường ngoài, ngoại xá (dạy học mà không nuôi).
Enseignement congréganiste.	Trường thầy đạo dạy.
Enseignement laïque.	Trường Nhà nước dạy.
Lycée.	Nhà quốc học.
Bourse.	Tiền ăn học, bổng học trò.
Boursier.	Học sanh.
Étudiant.	Giám sanh.

SERVICE DE L'ENREGISTREMENT ET DES DOMAINES,
DES CONTRIBUTIONS DIRECTES ET DU CADASRE.
CUỘC COI VIỆC SỔ BỘ ĐẤT CHUNG, CỬA CHUNG, THUÈ CHÁNH
NGÁCH, CÙNG CUỘC KHÁM ĐẠT.

— Y theo các lời nghị ngày 23 avril, ngày mồng 5 août 1877, các sở ấy đều đem về một môi quản độc.

Section de l'enregistrement et des domaines.	Ti hay về việc vào sổ cùng cửa công.
1 ^{er} bureau de l'enregistrement et hypothèques.	Phòng vào sổ cùng làm chứng về việc bằng khoán.
Receveur et conservateur.	Hay việc thầu giữ, điền thầu, giám thầu.

— Có ký lục bên dinh Thông lý bỏ qua, có hai thông sự Annam cùng ký lục chữ nhu.

2 ^e Bureau des domaines et de la curatelle.	Phòng hay về việc điền thổ của chung cùng việc gia tài.
Receveur-curateur.	Điền thu, hộ thủ.

— Có 1^{er} commis, là thừa biện bên dinh Thông lý bỏ qua, có ký
lục quyền việc.

Section des contributions di- rectes.	Ti hay về thuế chánh ngạch.
1 ^{er} Commis faisant fonctions de contrôleur pour la ville de Saigon.	Thừa biện lãnh việc khảo cứu nội cuộc thành phố Saigon, câu kê, 句稽

— Có ký lục lãnh việc khảo cứu cuộc thành phố Chợ-lớn, có
ký lục thí sai bên dinh Thông lý bỏ qua, Có thông sự, ký lục
bồn hạt hai người.

SECTION DU CADASTRE ET DE LA TOPOGRAPHIE. — TI KHÁM ĐẠC
CÙNG VỀ HỌA ĐỒ.

Chef de la section du cadastre.	Độc lãnh ti khám đặc.
Géomètre principal.	Chánh đặc điền, chánh kinh lý, 正經理

— Kinh lý có ba hạng. Có ký lục, có dessinateur chỉ nghĩa là
họa công, ba hạng. Có piqueurs-interprètes, nghĩa là phụ việc
kinh lý, lãnh làm thông sự; dịch gọn thì là thông sự, có nhiều
hạng, cùng có thí sai, hậu bỏ.

ADMINISTRATION DES CONTRIBUTIONS INDIRECTES.

SỞ COI VỀ THUÈ NGOẠI NGẠCH.

Service général.	Tổng cuộc.
Directeur.	Quản lý hay là Tổng cuộc.
Inspecteur.	Giám tra, chánh, phó hai chức.
Contrôleur.	Câu kê, Tổng bộ, Thanh tra.
Entrepouseur.	Chủ thủ, có nhiều hạng.
Préposé.	Đầu việc, trị sự, có nhiều hạng.
Surveillant.	Tuần kiểm, tuần tra, có nhiều hạng.
Poste de surveillance.	Phản tuần.

DIRECTION DES TRAVAUX PUBLICS. — CUỘC HAY VIỆC TẠO TÁC,
ĐỐC VIỆC HƯNG TẠO.

Ingénieur en chef des ponts et chaussées, directeur des travaux publics.	Bác vật, Giám công, đồng việc cầu-đường, chánh giám đốc công việc.
Ingénieur ordinaire des ponts et chaussées.	Bác vật, Giám công, việc cầu-đường, quản đốc sở cầu-đường, Đò ngu.
Architecte, chef du service des bâtiments civils.	Công sư, đốc việc cất nhà.
Sous-ingénieur.	Phó bác vật, phó Giám công.
Architecte-adjoint.	Phó công sư, Tượng mục.
Chef du secrétariat.	Chủ bộ, Điền bộ.
Conducteur, chargé de la comptabilité.	Độc việc, lãnh làm điền tịch.
Secrétaire.	Ký lục.

Brigade de Saigon.	Cuộc làm thầy thợ tại Saigon.
Conducteur.	Độc việc, có bốn hạng.
Piqueur.	Thừa biện, biện sự, có nhiều hạng.
Agent-secondaire.	Phó việc, có nhiều hạng.

— Còn các phân sở lớn, như Biên-hòa, Chợ-lớn, Vinh-long, Hà-tiên, trong cuộc bộ công lại phân bổ các viên quan, chức việc nhiều hạng, đốc lãnh công việc trong mỗi một sở, thì có :

Conducteur principal, faisant fonctions d'ingénieur, chef de circonscription.	Quản đốc phân sở.
Conducteur principal, agent d'arrondissement.	Chánh đốc việc, suất lãnh địa phận.
Employé secondaire.	Phó việc.
Ingénieur colonial, chef de circonscription.	Bác vật, Giám công thuộc hạt, quản đốc phân sở.

POSTE ET TÉLÉGRAPHES. — NHÀ THƠ, DÂY THÉP.

Centralisation.	Tổng cuộc.
Direction technique et exploitation.	Công cuộc ti thông chánh.
Inspecteur ingénieur des télégraphes, directeur.	Giám đốc bác vật, hay việc điện báo, làm Thông chánh sứ.
Sous-inspecteur des télégraphes, adjoint au directeur.	Phó giám đốc, làm phó thông chánh.
Commis de direction.	Thừa biện trong ti, có nhiều hạng.
Agent spécial mécanicien.	Khán cơ.
Commis comptable, chargé du magasin.	Thừa biện cai kho, tài phó.

Surveillant de 1 ^{re} classe, faisant fonctions de chef surveillant.	Đội việc, đội tuần tra.
Télégraphiste.	Chức việc phát điện âm, điện sanh, điện chánh.
Télégraphiste auxiliaire.	Phụ việc phát điện âm, điện sanh.
Vaguemestre.	Chức việc phân phát văn thơ.
Facteur de la poste.	Người phát thơ, lãnh việc trạm.
Mandats télégraphiques.	Giấy bạc gởi theo dây thép.
Mandats-poste.	Giấy bạc gởi theo trạm.

TRÉSOR. — KHO TIỀN BẠC.

Trésorerie.	Cuộc kho bạc.
Trésorier payeur.	Quan cai kho, Giám lâm.
Payeur particulier, receveur spécial.	Quan phát bạc, lãnh việc thầu riêng.
Payeur particulier, chef de comptabilité.	Quan phát bạc, đốc việc hội kê.
Payeur adjoint.	Phó việc phát bạc.
Commis de trésorerie.	Thừa biện kho, Cai hạp.
Commis auxiliaire.	Phụ việc thừa biện, Thủ hạp.

POIDS ET MESURES. — QUYỂN HOÀNH, CÂN LƯỜNG.

Vérificateur.	Chức tra việc cân lường, Thủ cuộc, có người tùy tùng.
---------------	---

DIRECTION DU PORT DE COMMERCE. — CUỘC HAY VỀ CỬA
BUÔN BÁN.

Capitaine du port, chef du service des pilotes.	Quan thủ ngữ, đốc việc hoa tiêu.
Lieutenant du port.	Thừa biện tân.
Maitre du port.	Đội tân. Có thông ngôn, ký lục Annam phụ sự.
Pilotes.	Các hoa tiêu.

SERVICE DE L'IMMIGRATION. — CUỘC TÂN ĐẢO.

Chef du service.	Đầu cuộc. Có thông ngôn, ký lục, có tuần sai, thuộc binh phụ sự.
------------------	--

POLICE MUNICIPALE. — CUỘC TUẦN SAI.

Commissaire central, chef du service de la police.	Tổng tuần lý, đốc việc tuần sai. (Bên Hồng-kông kêu là : Tuần lý phủ).
Commissaire de police.	Quản việc tuần sai.
Brigadier.	Đội nhứt, đội tuần sai.
Sous-brigadier.	Đội nhì, phó tuần sai.
Agent de police.	Lính tuần sai.

POLICE DE SURETÉ. — CUỘC THẨM SAI.

Commissaire central, chef du service de la police.	Tổng tuần lý, đốc việc tuần sai (kiêm lý).
Agent de sûreté.	Lính thám sai.

PRISON CENTRALE. — KHÁM CHÁNH.

Directeur.	Quản việc.
Gardien chef.	Đề lao, tư ngục.
Greffier comptable.	Điền bộ.
Gardiens.	Quản canh.
Commission de surveillance.	Hội phái viên coi giữ việc khám.

— Có quan Thông lý làm chủ, lại có nhiều viên quan bậc lớn vào trong hội ấy. Có membres de droit, là chánh phái viên, có membres ordinaires, phái viên chọn riêng.

SERVICE SANITAIRE. — HUỆ DÂN CUỘC, TI ĐIỀU HỘ.

Médecin du service local.	Điều hộ địa hạt.
Le service de la vaccine est assuré par un médecin détaché du corps de santé de la marine.	Cuộc trông trái (chường đậu), có lương y bên cuộc điều hộ bỏ đi lánh bệnh.

HÔPITAL DE CHỢ-QUÁN. — NHÀ THUỞNG CHỢ-QUÁN.

Personnel administratif.	Người bên việc chánh, quan lại.
Sous-chef de bureau, directeur.	Phó thủ lãnh, quản việc.
Commis-rédacteur, commis aux entrées,	Lục sự coi việc xuất nhập.
Infirmier chef.	Quản việc cho thuốc.
Infirmier-major.	Cai việc cho thuốc.
Personnel médical.	Người bên cuộc điều hộ.

Médecin de 1 ^{re} classe.	Y chánh.
Aide-médecin.	Y phó.
Personnel asiatique.	Người bên đông.
1 Pharmacien faisant fonctions.	Chức lãnh việc chế thuốc.
1 Concierge-magasinier.	Coi kho. Chức việc cho thuốc có nhiều hạng.

IMPRIMERIE COLONIALE — CUỘC NHÀ IN QUAN HẠT

Chef du service.	Quản việc.
Sous-chef.	Phó việc.
Comptable.	Tri bộ.

— Có agents, là chức việc, có compositeurs, lãnh việc sắp chữ, đều có nhiều hạng, lại có hạng nhứt công, kêu là journalier. Có chức việc coi máy, có chức việc đóng xếp, cũng nhiều hạng.

JARDIN BOTANIQUE. — VƯỜN THẢO MỘC, TỤC KÊU LÀ VƯỜN
NHÀ NƯỚC (MỚI LẬP TẠI SAIGON NGÀY 17 FÉVRIER 1869).

Directeur.	Quản vườn.
Ferme des mares.	Cuộc lãnh việc tài chương tại Miếu hội đồng.

Commission de l'assistance pu- blique.	Hội phái viên hay về việc làm phước.
---	---

Chambre de commerce de Saigon.	Phòng thương chánh Sài Gòn. Có các sĩ thương nghị việc.
-----------------------------------	--

Inspecteur de l'agriculture.	Điền nông, đốc lãnh việc nông tang.
------------------------------	--

SERVICE JUDICIAIRE. — VIỆC HÌNH, LUẬT CHÁNH.

Procureur général, chef du service judiciaire.	Quan Chương lý pháp luật hình danh, làm đề hình, Tư hiến.
Cour d'appel.	Tòa kêu án, tòa phúc thẩm.
Président de la Cour d'appel.	Chủ tòa kêu án.
Vice - président de la Cour d'appel.	Phó tòa kêu án.
Conseiller.	Bình sự, nghị sự, thiêm sự.
Conseiller-auditeur.	Tham nghị, đồng nghị sự.
Parquet général.	Luật chánh công đường.
Procureur général.	Quan đề hình.
1 ^{er} Substitut.	Chánh tá nhị.
2 ^e Substitut.	Phó tá nhị.
Attaché au parquet.	Lãnh việc phòng luật chánh.
Procureur de la République.	Biện lý.
Ministère public.	Chấp pháp, thị sự.
Secrétaire général.	Tá lãnh.
Secrétaire particulier.	Điền thư, ký thất, nội hàn.
Secrétaire expéditionnaire.	Ký lục, đăng lục.
Interprète principal pour la langue annamite.	Chánh hành nhơn, đô sự.

Expéditionnaire interprète.	Thơ thủ thông sự.
Expéditionnaire.	Thơ thủ, đăng lục.
Commis-greffier auxiliaire.	Phụ việc điền án.
Expéditionnaire auxiliaire.	Phụ thơ thủ, nhà tơ.
Élève-expéditionnaire.	Thơ thủ thí sai.

Tribunal de 1 ^{re} instance.	Tòa sơ.
Juge-président.	Chánh thẩm phán, thẩm án.
Lieutenant de juge.	Phó thẩm phán, thẩm án.
Juge-suppléant.	Phụ thẩm, đại khuyết.
Assesseur.	Bồi thẩm.

Greffe du tribunal.	Phòng điền án.
Greffier.	Điền án, điền bộ.
Commis-greffier.	Sung biện điền án.
Commis-greffier auxiliaire.	Phụ việc điền án.
Dernier ressort.	Phép tiện nghi, xử rồi không kêu nại đặt.

Tribunal de commerce de Saigon.	Tòa xử về việc buôn bán, tòa thương chánh Sài Gòn.
------------------------------------	---

— Có chánh thẩm án, bồi thẩm án, nhiều người, có chánh điền
án, phụ điền án, vắn vắn.

Justice de paix de Saigon.

| Tập tụng nha môn, tòa tập
tụng.

— Có thẩm phán có bồi thẩm, có ông tổng tuần lý, làm
ministère public, nghĩa là chấp pháp, có điền bộ văn văn.

Docteur en droit.

Hình danh bác sĩ.

Licencié en droit.

Hình danh cử sĩ.

Bachelier en droit.

Hình danh cát sĩ.

Cours criminelle, cours d'as-
sises.

Tòa xử về tội nặng.

Les assises.

Hội hàm (xử án nặng).

Tribunal correctionnel.

Tòa xử về tội nhẹ, tòa sửa
phạt.

Cour de cassation.

Tam pháp, Đại lý tự.

Huissier de la cour.

Đội việc, trường tùy giúp việc
theo tòa.

Agent de la force publique.

Thừa biện.

Palais de justice.

Dinh công pháp, lý hình viện.

Police judiciaire.

Phép tuân lý lấy khẩu chiêu.

Phép hội tòa xử đoán về tội nặng, chánh tòa hình tại Sài Gòn,
có ba ông bình sự, một ông lãnh làm đầu, có hai ông bồi thẩm,
dùng phép bắt thăm, lấy trong số 20 hương chức Langsa ở tại
Sài Gòn, Chợ-lớn;

Có quan đề hình, hoặc một ông tá nhị đề hình, lãnh làm
Ministère public, nghĩa là chấp pháp ;

Còn các chánh tòa hình ở các nơi, thì có một ông bình sự
tòa trên làm chủ ;

Có hai ông thẩm án ;

Có hai bồi thẩm, dùng phép bắt thăm, lấy trong số 20 hương
chức bốn hạt ;

Có điển án tòa, hoặc một người sung biện tại phòng có lập lời thề, coi văn án :

Quyền chấp pháp ở các nơi cũng về quan đề hình, hoặc quan tá nhĩ đề hình, hoặc hủy cho ông Procureur de la République près les tribunaux de 1^{re} instance, là biện lý tòa sơ :

Như người bị cáo là Tây, thì chọn hai bồi thẩm Tây ở Sài Gòn ; như phải là người Annam, thì dùng hai bồi thẩm Annam.

Magistrat.	Tư lý, hay việc từ tụng hoặc hay việc trị lý.
Chargé des instructions.	Lý văn quan.
Avocat général, près de la Cour d'appel de Saigon.	Đại luật sư, văn văn.
Avocats défenseurs.	Các Trạng sư.
Avoué.	Kẻ thuộc luật lãnh việc kiện thừa, thấy cung.
Agent d'affaires.	Biện sự, chức biện sự.
Notaire.	Đại lý, chủ làm văn ước, bằng khoán nhà đất.
Conseil de curatelle.	Hội nghị sự coi về việc gia tài.
Bureau d'assistance judiciaire.	Phòng việc lập ra để mà cứu giúp các người bị tội nghèo khổ.

Syndic.	Chủ việc trong hội nào.
Expert.	Kẻ tăng việc, thừa tra, thừa cứu.
Tuteur.	Bảo thủ gia tài.
Mandataire.	Đại lý, đại biện,

Comité agricole et industriel. | Hội điền nông, nghiệp nghệ.

Phares et feux de la colonie. | Vọng đăng, đèn vọi.

Compagnies d'assurances. | Các công ti bảo hiểm.

Mont-de-piété. | Cuộc cầm đồ.

VILLE DE SAIGON. — THÀNH PHỐ SÀI GÒN, (CHÁNH XA SÀI GÒN).

Municipalité.	Việc thành phố, việc bốn xã.
Conseil municipal.	Hội hương chức thành phố.
Maire, président.	Xã quan hay là Đốc lý (1).
Adjoint.	Phó xã quan, có nhứt, nhì, hai hạng.
Conseiller.	Hương tham, bình sự.

MAIRIE. — NHÀ HỘI.

Secrétariat.	Phòng việc, phòng văn.
Chef du secrétariat.	Đầu phòng việc, Tư sự.
Comptable, chargé des dépenses.	Tài phó lãnh việc chi tiêu, Tri sự.
Comptable, chargé des recettes.	Tài phó lãnh việc thu, Tri thu.
Secrétaire archiviste.	Tổng bộ.
Expéditionnaire.	Thư thủ.
Voirie.	Việc coi đường sá.
École municipale.	Trường học thành phố.

(1) Đời nhà Trần trong nước Annam, có đặt xã quan đốc việc trong địa phận làng lớn.

Police municipale.	Cuộc tuần phòng thành phố, có quân, đội tuần phòng cùng các tuần sai.
Police de sûreté.	Cuộc thám sai, có quân, đội, vân vân.
Poste de police.	Phân tuần, trại việc, xích hậu.
Chef de poste de police.	Đội phân tuần.
École des internes.	Trường nội, nội xá.
École des externes.	Trường ngoại, ngoại xá.

Phụ biến.

MINISTÈRE DE LA MARINE ET DES COLONIES.
BỘ THỦY KIỂM CÁC QUẢN HẠT.

Ministre.	Qua Thượng thư.
Conseiller d'État, directeur des colonies.	Tham nghị, Tổng lý các thuộc địa.
État-major du Ministre.	Bộ thuộc quan Thượng thư.
Chef d'état-major.	Đồng cả bộ thuộc, Hiệp tán, Tham tán.
Chef du cabinet.	Lệnh sử, Tá lãnh, chủ văn hàn. Cả hai chức đều bỏ bậc đại viên sung lãnh.
Administration centrale.	Tổng lý.
Cabinet du Ministre.	Phòng văn quan Thượng thư.
Mouvements de la flotte et opérations militaires.	Sai bác đạo thủy cùng các việc binh.
Chef du cabinet.	Lệnh sử, Tá lý, chủ văn hàn, dùng đại viên lãnh biện.
1 ^{re} Direction. — Personnel.	Ti thứ nhứt. — Về quan lại.
Directeur.	Chánh Tổng lý.

Sous-directeur.	Phó Tổng lý, đều dùng chức lớn, các ti sau cũng vậy.
2 ^e Direction. — Matériel.	Ti thứ hai. — Về vật hạng.
Directeur.	Chánh Tổng lý, dùng chức lớn.
Sous-directeur.	Phó Tổng lý.
4 ^e Direction. — Colonies.	Ti thứ tư. — Về các thuộc địa.
Conseiller d'État, directeur.	Tham nghị, Tổng lý.
Directeur adjoint.	Phụ Tổng lý.
1 ^{er} Bureau. — Administration générale et affaires politiques.	Phòng nhứt. — Chuyên việc lý trị chung cùng việc bang giao.
Chef du bureau.	Thủ lãnh.
Chef-adjoint.	Phó Thủ lãnh.
2 ^e Bureau. — Administration intérieure et finances.	Phòng nhì. — Chuyên biện các việc tiền lương, việc hộ.
3 ^e Bureau. — Justice et régime pénitentiaire.	Phòng ba. — Chuyên biện các việc hình ngục.
4 ^e Bureau. — Fonds, hôpitaux et vivres.	Phòng tư. — Chuyên biện về việc tiền lương, việc nhà thương cùng là vật thực.
5 ^e Bureau. — Service du Haut-Fleuve du Sénégal et du Niger.	Phòng năm. — Chuyên biện về sở công tác bên Sông-lớn Sénégal và Niger.

Phụ các chức tước lớn bên thủy, bên bộ, cùng hai bên văn võ.

Maréchal.	Chư dinh đô thông phủ, Đô thông.
Général de division.	Bộ binh Thông chế, Đô thông.
Général de brigade.	Bộ binh Đề đốc, Chương cơ.

Commandant supérieur des troupes.	Quan Thông lãnh.
Colonel.	Lãnh binh, Tổng lãnh, Tổng binh.
Lieutenant-colonel.	Phó Lãnh binh.
Commandant.	Quan tư, Tổng binh, Chánh cơ.
Capitaine.	Quan ba, Đốc binh, Chánh hiệu.

Vice-amiral.	Chưởng thủy Đô thông.
Contre-amiral.	Thủy sư Đề đốc, Chưởng vệ.
Capitaine de vaisseau.	Thủy sư.
Capitaine de frégate.	Quản vệ.

Commissaire général de la marine.	Quan sáu vành bạc, Đồng việc lương từ thuộc thủy.
-----------------------------------	---

Vice-roi.	Tổng đốc bộ đường, Thông đốc, Quận vương.
Gouverneur.	Tổng đốc, Đốc bộ, Hộ đốc, Tổng trấn, Tổng quản, Tuần phủ.
Préfet.	Thái thú, Quân hầu, Tri phủ (chức Préfet bên Tây đôi với chức Phủ doãn).
Sous-préfet.	Tri huyện, Áp hầu, Lệnh đoàn.

Prince, Baron, Marquis, Duc, Comte, Vicomte. — Hoàng tử,
Hoàng tôn cùng các tước cao sang.

Légion d'honneur. Tước thường.	{	Grand'Croix.	Nhứt phẩm bội tinh.
		Grand-Officier.	Nhì phẩm bội tinh.
		Commandeur.	Tam phẩm bội tinh.
		Officier.	Tứ phẩm bội tinh.
		Chevalier.	Ngũ phẩm bội tinh.
		Médaille militaire.	Bài quân công.
		Médaille d'honneur.	Bài thường công.
		Médaille commémorative.	Bài nhắc công.

Grades universitaires. Tước học.	{	Officier de l'Instruc- tion publique.	Tước học sĩ bên hàn lâm.
		Officier d'Académie.	Tước hàn lâm.

PROTECTORAT. — PHÉP BẢO HỘ.

Gouverneur général.	Tổng thông, Toàn quyền đại thần, Kinh lược đại thần.
Gouverneur général de l'Indo- Chine.	Đông-dương thuộc địa Tổng thông, Khâm mạng đại thần.
Lieutenant-Gouverneur.	Phó Tổng thông, Thông đốc.
Secrétaire général du Gouver- nement.	Thông lý, Hiệp lý.

Directeur du service local.	Thông lý quản hạt sự vụ.
Directeur des affaires indigènes.	Thông lý Bồn-quốc sự vụ.
Secrétaire général.	Hiệp lý.
Unité Indo-Chinoise.	Nhứt thông côi Đông-dương.
Gouvernement de l'Indo-Chine.	Nhà nước bên Đông-dương.
Résident général.	Toàn quyền Khâm sứ đại thân, Đại sứ.
Résident supérieur.	Thông sứ.
Résident.	Công sứ.
Vice-résident.	Phó công sứ.
Chancelier.	Thương biện.



DEUXIÈME PARTIE

LỤC BỘ ANNAM, 陸部

LES SIX MINISTÈRES

LẠI BỘ, 吏部

MINISTRE DE L'INTÉRIEUR.

Lại bộ thiên quan đại trung tể. 宰冢大冢天部吏
Thích nghi: chức Lại bộ, tước thiên quan, làm quan tể lớn hơn hết. Chữ trung ây nghĩa là chót núi, cho nên có chỗ kêu là *Thiên khanh* hay là *Thái tể*. Chữ tể ây chỉ nghĩa là trí quan phân chức sắp đặt cho đều, như kẻ làm lớn mà chia thật vậy. (président)
Lây theo chức chế nhà Châu, thì là chức Lục khanh, phân }
phôi trời đất bốn mùa mà làm chủ, cũng gọi là *Thiên khanh*. } voy W.
Đời Tây hán kêu là *Thường thị tào*; sách Thông điển kêu là }
Lại bộ.

Lại bộ Thượng thư, chánh nhì phẩm, thường dùng quan nhứt phẩm lãnh biện, các bộ khác cũng vậy.

Tả hữu Tham tri, tòng nhì phẩm: Bên Trung-quốc dùng chức Thị lang, cũng tòng nhì phẩm, không có Tham tri.

Tả hữu Thị lang, chánh tam phẩm, 1 ông cũng đủ, hoặc dùng quan khác làm biện lý hay các việc trong bộ; các bộ khác cũng vậy.

Đồng hay các văn chức trong ngoài, chủ việc truyền tuyên, thăng, thưởng, giáng, phạt, sửa đặt phép quan lại cho thành việc cai trị, chánh chữ là: *Ly sức quan thường dĩ tán bang trị*.

Bộ thuộc có: *văn tuyền ti, trường tự ti, phong điển ti, lại ấn ti, lại trực ti.*

1^o Văn tuyền thanh lại ti, chuyên hay về quan chế, phẩm cấp, việc thuyên bổ các quan lại, làm chương sổ, phiếu nghĩ, lập bộ sổ, xét lựa các quan lại, làm sách lương bổng, từ tam phẩm trở lên:

1 Lang trung, chánh tứ phẩm; 1 Viên ngoại, chánh ngũ phẩm; 2 Chủ sự, chánh lục phẩm; 2 Tư vụ, chánh thất phẩm; bát phẩm thơ lại 2; cửu phẩm thơ lại 2.

2^o Trường tự thanh lại ti, chuyên hay việc gia kì cấp, định thưởng phạt, cấp tiền tuất, cho nghỉ, làm sách lương, từ tứ phẩm sập xuống. Lang trung, Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ, đều 1 người; chánh bát phẩm, chánh cửu phẩm thơ lại, đều 3 người.

3^o Phong điển ti, chuyên hay về việc phong tặng, tập âm, làm cấp bằng, hoặc tra thâu cáo trực, cấp bằng, lại lo chung về sách lương bổng. Có Lang trung, Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ, đều 1 người; chánh bát phẩm 3; chánh cửu phẩm 2.

4^o Lại ân ti, chuyên giữ ân truyến trong bộ, lo về công nhu, thâu lãnh chương sổ, tờ tư trình cho Bộ, tùy theo việc giao cho các ti lo liệu, chiếu theo hạn lệ làm cho rồi.

5^o Lại trực xứ. — Các viên quan thường xuyên ứng trực, thì là rút trong các ti phân phiên chực việc, chuyên lo việc viết phiếu, viết bài, cùng sao chép các giấy phiếu nghĩ, hầu đầu kim bữu.

Có vị nhập lưu thơ lại 50 người, phân làm ba bang, 2 bang tại công ăn lương, giúp việc trong các ti, tùy chỗ việc nhiều ít mà phân phái.

HỘ BỘ, 戶部

MINISTRE DES FINANCES.

Hộ bộ địa quan đại tư đồ. 戶部地官大司徒 Sách Châu lễ kêu là *Địa quan*, chương sổ sách muôn dân. Có chỗ kêu là *Địa khanh*, có chỗ kêu là *Tư nông*. Đời nhà Tùy kêu là *Dân bộ*; đời Đường (1), húy tên kêu là *Hộ bộ*.

Thượng thư 1; tả hữu Tham tri, tả hữu Thị lang, đều 1; chương việc ruộng đất, nhà cửa, dân số, lúa tiền trong thiên hạ, *bình chuẩn xuất nhập dĩ quân bang phú* nghĩa là lường số ra vào cho y một phép, cho đều việc binh thuế. Tì thuộc có *Kinh trực tì*, *Nam-kỳ tì*, *Bắc-kỳ tì*, *Thường lộc tì*, *Thuế hạng tì*, *Bộ ấn tì*, *Hộ trực xứ*.

1^o Kinh trực thanh lại tì. — Chuyên lo về chương số, sách tịch tại Kinh cùng các trực lệ. Có Lang trung, Viên ngoại, Tư vụ, đều 1 người; Chủ sự 2; chánh bát, cửu phẩm thư lại, đều 3 người.

2^o Nam-kỳ thanh lại tì. — Chuyên lo về chương số, sách tịch từ tỉnh Bình-định cùng các tỉnh bên Nam. Lang trung, Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ, đều 1 người, chánh bát, cửu phẩm đều 3 người.

3^o Bắc-kỳ thanh lại tì. — Chuyên lo về chương số, sách tịch từ tỉnh Hà-tĩnh cùng các tỉnh bên Bắc. Sô viên quan lược đồng các tì khác, sau cũng vậy.

4^o Thường lộc thanh lại tì. — Chuyên việc chi cấp bổng hưởng, việc thường tứ cùng việc tiền lương. Tì này không có Viên ngoại.

(1) Vua nhà Đường tên là Lý-thê-dân.

5° Thuê hạng thanh lại ti. — Chuyên lo về thuê thỏ săn các địa phương cùng lo mua vật hạng ; ti này không đặt Lang trung.

6° Hộ ân ti; Hộ trực xứ. — Sô nhơn viên cùng chức chương đồng với bộ lại. Có 70 vị nhập lưu thơ lại, phân làm ba bang, 2 bang phân nhau giúp việc trong các ti.

LỄ BỘ, 禮部

MINISTRE DES RITES.

Lễ bộ xuân quan đại tông bá. 禮部春官大宗伯
Từ đời Đảng gọi là *Xuân quan*, trước là *Tông bá*, cũng gọi là *Xuân khanh*. Đời nhà Tùy kêu là *Điện nghi tào*, chương nghi lễ, phép tắc, lập nhà học hiệu hay việc công cử *Di tán bang lễ*, nghĩa là cho trọng việc lễ trong nước.

Thuộc ti có *Nghi văn ti*, *Tự tế ti*, *Tân hưng ti*, *Thù ứng ti*, *Lễ ân ti*, *Lễ trực xứ*. — Quan viên chức việc đồng các bộ khác.

1° Nghi văn thanh lại ti. — Chương gia lễ, là lễ triều hội và quân lễ.

2° Tự tế thanh lại ti. — Chuyên chương các việc tế tự.

3° Tân hưng thanh lại ti. — Chương lễ tiếp khách, phong tặng, hưng hiên, lập học, sanh biểu việc tiết hiếu, quan hệ về thói tốt.

4° Thù ứng thanh lại ti. — Chương các lễ bang giao, triều cống.

Năm Tự-đức thứ bốn, nghĩ bãi Lễ trực xứ, giao cho các ti phân nhau chuyên biện, còn Lễ ân ti thì giao về Nghi văn ti kiêm lãnh.

BINH BỘ, 兵部

MINISTRE DE LA GUERRE.

Binh bộ hạ quan đại tư mã. 兵部夏官大司馬 Châu lễ gọi là *Hạ quan*; có chỗ kêu là *Hạ khanh*, có chỗ kêu là *Tư nhung*; có chỗ kêu là *Thái thường bá*. Đời nhà Ngụy đặt *Ngũ binh thượng thư*. Ngũ binh thì là cung, tên, đồng, vác, mâu, kích. — Chương võ chức trong ngoài, hay việc truyền tuyền, khảo hạch *đi tán bang chánh* nghĩa là cho thành việc binh trong nước.

Ti thuộc có *Võ tuyền ti*, *Kinh kỳ ti*, *Trực tỉnh ti*, *Khảo công ti*, *Binh trực xứ*.

1^o Võ tuyền thanh lại ti. — Chuyên hay về võ chức trong ngoài, sách võ giai, chế phẩm trực, định việc truyền tuyền, cấp cáo sắc, hạch sổ bộ, xét công nghiệp, làm việc lâu năm, mãn hạn.

2^o Kinh kỳ thanh lại ti. — Chuyên hay về việc cử đặt, sai bổ các quan bên võ, lãnh việc hầu chực trong lúc Hoàng đế ngự đi tuần thú, hoặc ngự đi chỗ nào; lãnh việc điếm duợt, tập luyện, việc đi thú cùng việc phòng ngự; lãnh việc sai phái quân binh, giữ ân truyến trong Bộ cùng việc xuất phát, công nhu cả thầy.

3^o Trực tỉnh thanh lại ti. — Chuyên hay về việc cử đặt, phân bổ các viên quan bên võ trong các trực tỉnh; lãnh việc lựa chọn tập rèn; lãnh việc sai bác biên binh cả thầy.

4^o Khảo công thanh lại ti. — Chuyên hay việc biên kỳ cấp, phân ra ai đáng thưởng, ai mắc xử phạt, coi xét ông-cán cùng lệ khảo hạch các đội trưởng cả thầy.

5° Binh trực xứ. — Người trong ti này thì là người rút trong các ti trước, phân phiên chuyên lo về sự viết phiêu, viết bài, hầu dầu kim hữu.

Vị nhập lưu thơ lại phân bang giúp việc trong các ti, cũng y số 70.

HÌNH BỘ, 刑部

MINISTRE DE LA JUSTICE.

Hình bộ thu quan đại tư khấu. 刑部秋官大司寇
Sách Châu lễ gọi là *Tư khấu*, lại gọi là *Thu khanh*; có chỗ kêu là *Sĩ sư*. Đời Hán quang vũ kêu là *Tặc tào*. Hậu Châu kêu là *Hình bộ đại phu*. Đời Đường cải là *Tư hình thái thường bá*. — Chức năng pháp luật hình danh, *Di túc bang hiến*, nghĩa là cho trọng phép nước.

Ti thuộc có *Kinh chương ti*, *Trực kỳ ti*, *Nam hiến ti*, *Bắc hiến ti*, *Hình ẩn ti*, *Hình trực xứ*. Trong bộ này viên quan chức việc thẳng số hơn các bộ khác.

1° Kinh chương thanh lại ti, đến năm Tự-đức thứ tư, cải là Kinh trực ti. — Những chương sớ, án kiện, văn di, các việc ở tại Kinh đô cùng phủ Thừa-thiên đều về ti này làm chủ.

2° Trực kỳ thanh lại ti. — Những chương sớ, án kiện, văn di, các việc tại nam bắc trực, tả hữu kỳ, đều về ti này làm chủ.

3° Nam hiến thanh lại ti. — Những chương sớ, án kiện, văn di, các việc trong Nam-kỳ đều về ti này.

4° Bắc hiến thanh lại ti. — Hay những chương sớ, án kiện, văn di, các việc Bắc-kỳ.

Còn Hình ân ti, Hình trực xứ, thì tài tình, giao cho các ti khác chuyên biện. Lại trong các ti ứng tình, có dư quan thì bỏ về ti *Kinh trực, ti Nam hiển, Bắc hiển*.

Tà trực là Quảng-nam, Quảng-ngãi; Hữu trực là Quảng-trị, Quảng-bình; Bình-định, Phú-yên, Khánh-hòa, Bình-thuận, là Tả kỳ; Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa, là Hữu kỳ.

CÔNG BỘ, 工部

MINISTRE DES TRAVAUX PUBLICS.

Công bộ đông quan đại tư không. 工部冬官大司空
Sách Châu lễ kêu là *Đông quan*, lại gọi là *Đông khanh*. Đời Hán, quang vô đặt *Thiện tu, Công tác, Trì huyền* ba tào. Nhà Ngụy, kêu là *Tả dân tào*, chức Thượng thư Bộ ấy kêu là *Khởi bộ lang*. Đời hậu Châu mới gọi là *Công bộ*.

Chương bá công, khí dụng, biện vật liệu, tài mộc *Di sức bang sự*, nghĩa là cho đẹp trong nước.

Ti thuộc có *Qui chế ti, Dinh kiến ti, Tu tạo ti, Khám biện ti, Công trực xứ, Công ẩn ti*. Hội điển nhà Thanh kêu là *Ngu hoành ti*.

1° *Qui chế thanh lại ti*. — Chủ xây đắp lăng tẩm, thành trì, đài, bảo, đê công, cầu kỳ, đàng sá các việc. Hội điển nhà Thanh kêu là *Đô thủy ti*.

2° *Dinh kiến thanh lại ti*. — Chủ xây cất cung điện, dinh đài, kho tàng các việc.

3° *Tu tạo thanh lại ti*. — Chủ tu tạo, dự biện các tàu thuyền các việc.

4^o *Khám biện thanh lại ti.* — Chủ phân phái các sắc công tượng, cho lãnh đơn bằng hảm ngói, gạch, hảm vôi, hảm than, lầy cây, củi, các việc đều về ti ấy đốc sức tra xét.

Năm Tự-đức thứ tư, nghị bãi *Công đn ti, Công trực xứ*, giao cho các ti khác chuyên biện.

Chức *Thái sư*, 太師 *Thái phó*, 太傅 *Thái bảo*, 太保 *Thiếu sư*, 少師 *Thiếu phó*, 少傅 *Thiếu bảo*, 少保 cùng là chức *Thái tử*, *Tam thái*, *Tam thiếu*, đều đề trông, đề dành mà gia hàm, hoặc truy tặng cho các đại thần.

Lục bộ; Đô sát viện; Thông chánh sứ ti; Đại lý tự khanh, kêu là Cửu khanh.

Bộ hình, Viện đô sát, Tự đại lý, hiệp lại kêu là Tam pháp ti, chuyên phúc thẩm, tra xét về những tội nặng cùng các án hồ nghi.

Các qnan bên văn, có ai lên tới bậc *Điện*, *Các đại học sĩ*, thường lãnh làm Thượng thư các Bộ.

TÔNG NHƠN PHÚ, 宗人府

ASSEMBLÉE DES PRINCES DU SANG.

Chức chề có *Tông nhơn lệnh*, *Tả hựu tông chánh*, *Tả hựu tông nhơn*, dưới có bộ thuộc nhiều người. Chương việc tu *ngọc điệp*, định chiều mục thứ tự, chức tước, bổng lộc, lo việc nuôi dạy trong Tôn thân. Kẻ thuộc về dòng dõi Vua, chẳng kỳ gần xa, đều về phủ ấy coi.

KINH QUAN, 京官

PRINCIPAUX MANDARINS ATTACHÉS À LA CAPITALE

TỀ TƯỚNG TAM CÔNG, 宰相三公

Chức Tề tướng ấy là chức làm đầu trong nước, cho nên gọi là *Cư đánh huyền chi vị, vị quốc trụ thạch, tá Thiên tử nhi trạch bá quý, lý âm dương nhi thuận tứ thời*, nghĩa là làm bậc trên hết, cùng là rường cột Nhà nước, giúp vì Thiên tử, mà chọn lựa các quan, lo trong nước cho yên cùng cho thuận theo việc trời đất.

Chức Tam công cũng là chức trên hết, Hán thư nói chức Tam công ấy là *đánh tức thừa quân* nghĩa là chịu lầy Vua như chơn vạc.

Tra thiên Châu quan, thì dùng *Thái sư, Thái phó, Thái bảo*, làm Tam công; *Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo* làm Tam cô. Đời tiền Hán, dùng *Đại tư mã, Đại tư đồ, Đại tư không*, làm Tam công. Đời hậu Hán, dùng *Thái phó*, làm *Thượng công*; chức *Thái huy, Tư đồ, Tư không*, làm Tam công.

Thuở Thành-thang ở ấp Bạc, dụng ông Y-doàn làm *A hòanh*, ông Trọng-xù, làm *Tả tướng*. Đến đời Vua Võ, dụng ông Triệu-công, làm *Thái bảo*, ông Châu-công, làm *Thái sư*. Đời nhà Tần, mới có tước hiệu *Thừa tướng, Tướng quốc*, giúp Thiên tử mà sắp đặt muôn việc trong nước. Đời nhà Hán, thường dụng các *Liệt hầu*, làm Thừa tướng. Từ đời Ngụy, đời Tấn nhẵn lại có khi đặt, có khi bỏ, thường dụng quan khác,

như quan *Tư đồ* đề mà hay việc *cơ mật*, thì cũng là Thừa tướng. Chức *Trung thư lệnh* đời *Đàng*, thì là chức *Tể tướng*; đời *ây* lại đặt *Trung thư lệnh*, *Thị trung*, *Thượng thư lệnh*, làm *Tam tỉnh*, nghĩa là ba chỗ qui việc hội nghị chánh sự trong nước, *ây* chính là chức *Tể tướng*; sau lại đặt thêm chức *Đổng trung thư môn hạ*; chức *Bình chương sự* và chức *Tham tri chánh sự*, dùng quan tam phẩm. Đời nhà *Tống* bắt chước đời *Đàng*, dùng chức *Đổng bình chương*, làm chức *Tể tướng*. Tới đời *Minh*, hiệu *Hồng-vò*, năm thứ mười ba, bèn bỏ chức *Trung thư tỉnh*, còn chức Thừa tướng thì đem về lục bộ. Hiệu *Vĩnh-lạc* năm đầu, đặt chức *Nội các*, chẳng qua là dùng người bên viện *Hàn lâm di bị cố vấn* mà thôi, nghĩa là dùng đề mà hỏi han.

Từ hiệu *Kiên-thời* sắp về trước, không cho hàm *Thượng thư* vào hàng *Nội các*. Từ hiệu *Chánh-đức* trở lại, lại cho *Thượng thư* được vào hàng *Nội các*, cho nên quyền *Nội các* lại được trọng hơn.

Chức *Tam công* chiếu ứng cùng sao *Tam thai*, thì là sao *Thới giai*; dưới *khôi tinh* có sáu vì sao đôi cặp với nhau, thì là *Tam thai*.

NỘI CÁC, 內閣

SECRÉTARIAT IMPÉRIAL, GRANDE CHANCELLERIE.

Lệ đặt sung biện sự vụ bôn ông; dùng quan trong các viện, chánh tam, tứ phẩm bôn ông.

Ti thuộc có *Thượng bữu*, *Tư luân*, *Bí thư*, *Bốn chương*, *bốn sứ*. — Sở *Bốn chương* lại phân làm ba là *Lại-hộ chương*, *Lễ-bình chương*; *Hình-công chương*; dùng chức bên viện *Hàn lâm* mà sung bổ.

Đời Minh-mạng năm đầu, có đặt văn thư phòng, qua năm thứ hai, lại phân bốn tào, điện thù *ấn chương*, *bộ tịch*, *quan thư*, *khởi cư chú*, các công việc.

Thiệu-trị năm thứ bảy, có chỉ dụ rằng đặt quan Nội các là cho được hầu gần trong chỗ cấm, để mà thừa phụng *tư luân*, tiếp thọ *phong chương*, chỉ tuân *thần hàn* (1), chức chương rất nên quan trọng, lẽ phải chằm chước bỏ lại điện mà dùng hàng khoa mục.

Lây theo hội điện nhà Thanh; Nội các đại học sĩ, Mãn, Hán, đều hai người, Vua chọn để mà *tán lý cơ vụ*, *biểu suất bá liêu*, nghĩa là vừa giúp việc chánh, đồng sức các quan; lãnh sắc rỗi, kiêm các điện các, cùng lãnh làm Thượng thư trong sáu bộ.

Hội điện nhà Thanh đặt là :

Báo hòa điện ; 保和殿
Văn hoa điện ; 文華殿
Võ anh điện ; 武英殿
Thể nhơn điện ; 體仁殿
Văn huyên các. 閣淵文

Hội điện Nam-việt đặt là :

Cần chánh điện ; 勤政殿
Văn minh điện ; 殿明文
Võ hiển điện. 武顯殿

(1) Tư luân là lời Vua phán dụ; phong chương là sách phong cùng chương sớ; thần hàn là giấy tờ nhà Vua.

Đông các 東閣 Đại học sĩ. Các, điện cũng đều đề chữ **Đại học sĩ**, đều là tước gia phong cho các quan lớn nhất.

Lây theo hội điển nhà Thanh, chức **Đông các**, thì là chương *phụ tấu bốn chương, truyền tuyên luân bát*, nghĩa là dâng tâu chương sớ, truyền rao lời Vua phán dạy. Ti thuộc có nhiều chức lớn, hoặc lây bên Hàn lâm, hoặc rút bên Bộ, viện. Có *Trung thư khoa, Trung thư xá nhơn*, hay việc thư tả lời cáo sớ.

Hệ Triều đình xuống đức âm, rao báo bá quan, thì kêu là *chế*; bỏ cáo thiên hạ, kêu là *chiếu*; mở lời dạy biểu, kêu là *cáo*; thân mình chức thù, kêu là *sắc* (1); trong ngoài phong chương dâng lên mà khánh hạ Hoàng đế, Hoàng thái hậu, kêu là *biểu*; giấy dâng cho Hoàng hậu, kêu là *tiên*; giấy trần sự kêu là *sớ*. Ấy đại đề là chức chương hàng nội các.

KINH QUAN, 京官

CƠ MẬT VIỆN, 機密院

CONSEIL D'ÉTAT, CHAMBRE HAUTE.

Cơ mật viện đời nhà Tống, kêu là *Xu mật*; nhà Thanh, kêu là *Quân cơ*, đều dùng quan lớn hai bên văn võ, từ tam phẩm sập lên, cả thấy 4 ông; bộ thuộc có Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ, hoặc dùng chức biên tu, kiểm thảo 8 người.

Gặp việc quân chánh cả thể, khi ấy mới có đặc chỉ (2) chọn các quan lớn sung làm Cơ mật viện đại thần, để mà bàn luận cùng nhau.

(1) Vua phong quan cho ai kêu là sắc.

(2) Nghĩa là chỉ dụ riêng.

TẬP HIỀN VIỆN, 集賢院

CONSEIL IMPÉRIAL

(Chargé de lire et d'expliquer les textes au Souverain.)

Triều đình đặt ra có *Kinh diên giảng quan*, dùng quan văn nhứt nhì phẩm 2 ông, phòng khi thanh khoản, giảng đọc kinh sử, tiêm cho ra nghĩa lý, lại khi có triệu đôi (1), để mà đàm luận về phép cai trị, cho biết việc cổ kim đắc thất, xét việc dân cho tới chỗ u ần.

Còn *Kinh diên nhứt giảng quan*, 經筵日講官⁽²⁾ cũng dùng quan văn 6 ông, từ nhì, tam phẩm sập lên; có Tập hiền viện, Thị độc, Thị giảng học sĩ 4 ông; Thị độc, Thừa chỉ 4 ông; trước tác, tu soạn 4; đều lãnh làm *Kinh diên khởi cú chú*, 經筵起居注, nghĩa là lãnh biên ký về việc Vua cư xử làm sao; dưới có *bút thiếp thức* nghĩa là người viết chữ hay, dùng từ thất, bát, cửu phẩm 4 người.

ĐÔ SÁT VIỆN, 都察院

INSPECTEURS GÉNÉRAUX.

Viện này đặt ra để mà cù sát việc các quan, các việc chánh, cùng mọi việc trong mỗi một Bộ, mỗi một tỉnh trong nước.

Có tả hữu *Đô ngự sử*, tả hữu *phó Đô ngự sử*. Chức tả *Đô ngự sử* không đặt thường; chức hữu *Đô ngự sử* về phần các Tổng đốc kiêm lãnh; chức tả hữu *phó Đô ngự sử* về phần các Tuần phủ kiêm hàm.

Lục khoa chương ấn cấp sự trung. Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công, sáu bộ đều có *Chương ấn cấp sự trung* 1 người (3).

(1) Nghĩa là vua đòi hỏi mà phải tâu gởi lại.

(2) Nghĩa là quan giảng sách hằng ngày tại đến *Kinh diên*.

(3) Chữ khoa ấy chỉ nghĩa ấn ký xét hạch, bởi có sáu bộ, nên đặt sáu khoa.

Kinh kỳ đạo Giám sát ngự sử 1 người; Nam nghĩa đạo Giám sát ngự sử 1 người; Bình phú đạo Giám sát ngự sử 1 người. Cả thảy 16 đạo, đều có 1 ông Giám sát ngự sử riêng.

Tì thuộc : Lục sự chánh thất phẩm 1 người; bát, cửu phẩm đều 2 người, vị nhập lưu thơ lại 12 người.

Đời Gia-long năm thứ ba, chiếu định quan chế: Đô sát viện tả hữu Đô ngự sử, trật chánh nhì phẩm; tả hữu phó Đô ngự sử, trật tùng nhì phẩm.

Đời Minh-mạng năm thứ tám, định quan chế cho Lục khoa cấp sự trung, cùng các Giám sát ngự sử trong các đạo, trật chánh ngũ phẩm.

Đến năm thứ mười ba, đặt viện Đô sát, để tả Phó đô 1 người; Lục khoa cấp sự trung; 16 đạo Giám sát ngự sử, đều 1 người; đặt Lục sự 1 người; bát, cửu phẩm thơ lại đều 2 người; vị nhập lưu thơ lại 20 người.

Đến năm thứ mười tám, trong mỗi một khoa, lại đặt thêm chức *Chương án cấp sự trung* đều 1 người, trật tùng tứ phẩm, để cho có bậc mà lên.

THÔNG CHÁNH SỨ TI, 通政使司

DIRECTION DES POSTES.

Thông chánh sứ, 1; Thông chánh phó sứ, 1.

Thanh lại tì, có Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ đều 1 người; bát, cửu phẩm thơ lại đều 2 người; vị nhập lưu thơ lại 10 người. Chức Chương thì là *đặc thiên hạ chương tấu*, nghĩa là làm cho thông các chương tấu trong thiên hạ.

Hiệu Minh-mạng năm thứ mười lăm, chuẩn định Thông chánh sứ tì, Thông chánh sứ 1 người, chánh tam phẩm; Thông chánh phó sứ 1 người, tùng tam phẩm.

ĐẠI LÝ TỰ, 大理寺

COURS D'APPEL.

Tự khanh, 1; Thiệu khanh, 1.

Thanh lại ti, có Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ, đều 1 người; bát, cửu phẩm đều 2 người; vị nhập lưu thơ lại 12 người; chủ việc hình ngục lớn.

Hiệu Minh-mạng năm thứ tám, chuẩn định quan chế : Đại lý tự khanh, chánh tam phẩm; Thiệu khanh, chánh tứ phẩm.

THÁI THƯỜNG TỰ, 太常寺

COMMISSION CHARGÉE DES CÉRÉMONIES EN GÉNÉRAL ET DU CULTE.

Tự khanh, 1; Thiệu khanh, 1; chủ việc tế tự.

Thanh lại ti, có Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ đều 1 người; bát, cửu phẩm đều 2 người; vị nhập lưu thơ lại 12 người.

Hiệu Minh-mạng năm thứ tám, chuẩn định quan chế : Thái thường tự khanh, chánh tam phẩm; Thiệu khanh, chánh tứ phẩm.

QUANG LỘC TỰ, 光祿寺

COMMISSION CHARGÉE DES SACRIFICES.

Tự khanh, 1; Thiệu khanh, 1; chương việc yên hưởng biện phẩm vật cho được ban thường.

Thanh lại ti, có Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ, đều 1 người, bát, cửu phẩm đều 3 người; vị nhập lưu thơ lại 12.

Hiệu Minh-mạng năm thứ tám, chuẩn định quan chế : Quan Lộc tự khanh tòng tam phẩm, Thiệu khanh tòng tứ phẩm.

THÁI BỘC TỰ, 太僕寺

COMMISSION CHARGÉE DE POURVOIR AU MOYEN DE TRANSPORT
DE SA MAJESTÉ.

Tự khanh, 1; Thiệu khanh, 1; chức chương về việc chăn nuôi, voi, ngựa, dự biện xa giá, sắm sanh vật cụ, *đi bị tuần hạnh* nghĩa là để cho Vua ngự.

Ti thuộc có Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ, bát, cửu phẩm; vị nhập lưu thớt lại như các tự khác.

Thái bộc tự khanh tòng tam phẩm; Thiệu khanh tòng tứ phẩm.

HÔNG LÔ TỰ, 鴻臚寺

COMMISSION CHARGÉE DES PRÉPARATIFS DANS LES CÉRÉMONIES
D'EXAMENS, ETC, ETC.

Tự khanh, 1; Thiệu khanh, 1; chương triều hội tể tự, yên hưởng các lễ nghi.

Ti thuộc đồng các tự khác.

Hông lô tự khanh chánh tứ phẩm, Thiệu khanh chánh ngũ phẩm.

Các tự trước này hiệp với *Thượng bữu tự* (1), thì là Lục khanh, song Thượng bữu tự đem về nội các, chỉ còn có năm, mà cũng là noi theo cổ chế, lấy đó mà định chức tước cho các quan.

HÀN LÂM VIỆN, 翰林院

ACADÉMIE.

Hàn lâm viện Chương viện học sĩ; hàn lâm viện Trực học sĩ (không đặt riêng, thường dùng quan khác hay). Chương quốc sử, đồ tịch, chế, cáo, văn chương các việc.

(1) Tự này lãnh coi giữ các vật quý báu trong nước.

Có hàn lâm viện Thị độc học sĩ, Thị giảng học sĩ, Thị độc, Thị giảng, Thừa chỉ, Trước tác, Tu soạn, Biên tu, Kiểm thảo, Điền bộ, Đài chiêu, Cung phụng, chức chề nhiều bậc.

Hiệu Minh-mạng năm thứ tám, chuẩn định quan chề :

Hàn lâm viện Chương viện học sĩ, hàn lâm viện Trực học sĩ đều chánh tam phẩm ; Thị độc học sĩ chánh tứ phẩm ; Thị giảng học sĩ tòng tứ phẩm ; Thị độc chánh ngũ phẩm ; Thị giảng, Thừa chỉ đều tòng ngũ phẩm ; tu soạn tòng lục phẩm ; biên tu chánh thất phẩm ; kiểm thảo tòng thất phẩm ; điền bộ tòng bát phẩm ; đài chiêu tòng cửu phẩm.

Hiệu Tự-đức năm thứ bốn, chuẩn hàn lâm viện bút thiếp thức, đài chiêu, cung phụng đều tòng cửu phẩm.

Hội điển nhà Thanh; có chức *không mục* hay việc thầu trừ đồ tịch; có *Thức kết sĩ* là những người vào viện mà học tập, không lãnh chức gì.

QUAC TỬ GIÁM, 國子監

INSTRUCTION PUBLIQUE.

Quản lý đại thần 管理大臣 2 ông, đều có chỉ chọn riêng.

Tê tửu, 祭酒 1 ; Tư nghiệp, 司業 2 ; Học chánh, 學政 2 ; Giám thăng, Điền bộ, Điền tịch, đều 1 người ; vị nhập lưu 6.

Chương phép *thành duân* (1) *dĩ giáo quốc tử* cùng các con dân tuân tú đề mà chọn dùng. Giám thăng chương học qui, đốc bài vờ, xét sự siêng năng, phân định bổng học ; điền bộ, chương bộ thơ ; điền tịch chương kinh sử. Hội điển nhà Thanh có chức *bác sĩ* chương việc cất nghĩa kinh sử ; có chức trợ giáo, bạn độc, chánh tự, phụ việc dạy dỗ.

(1) Nhà học làm cho nên tài đức.

Hiệu Minh-mạng năm thứ tám, chuẩn định quan chế : chức Tể tửu chánh tứ phẩm ; Tư nghiệp từng tứ phẩm : Học chánh từng lục phẩm ; Giám thăng chánh thất phẩm ; Điện bộ từng bát phẩm ; Điện tịch từng cửu phẩm.

Hiệu Thiệu-trị năm đầu, có chỉ dụ rằng : « quốc tử giám *hệ thành duân chi địa, nghi biểu du quan*, nguyên trước dùng hai đại thần kiêm lãnh ; cho tới bây giờ có chức Thái bảo, Văn minh điện Đại học sĩ, là Trương-dăng-Quê, chiêu cô mà thôi ; nay cho chức Đông các Đại học sĩ, là Võ-xuân-Cần, đồng kiêm lãnh quốc tử giám sự vụ ; đơn ngoạt để cho Trương-dăng-Quê ; song ngoạt thì về Võ-xuân-Cần, tùy việc phải làm, chiêu y theo lệ trước mà thi hành. »

TÔN HỌC SỞ, 尊學所

LYCÉE CONSACRÉ À L'INSTRUCTION DES PRINCES.

Hoàng thân công 1 ông, đồng việc ; Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, 2 ; dùng người Tôn thất làm Tổng quản ; Thị giảng học sĩ, 1 ; Thị độc, 1 ; chánh cửu phẩm thơ lại, 1, dụng người có văn học ; vị nhập lưu thơ lại, 2 ; dùng người trong các bộ Lại, Lễ, Binh, Hình, bốn bộ.

TAM ĐƯỜNG, 三堂

LES TROIS COLLÈGES.

Quảng học, Quảng thiện, Minh thiện ba nhà, mỗi nhà cấp phó Trường sử 1 người ; Tư vụ 1 ; chánh từng bát cửu phẩm đều 1 người ; vị nhập lưu thơ lại 12.

Sau có chuẩn đặt thêm *Quảng phước, Dưỡng chánh, Thiện khánh, Quảng nhơn* các đường, đều đề mà nuôi dạy các Hoàng tử, Hoàng tôn.

THAI Y VIỆN, 太醫院

SERVICE DE SANTÉ.

Viện sứ 1; Ngự y, phó Ngự y, tả Viện phán, hữu viện phán, không định mây người; Y chánh 10; Y phó 10; chánh cừu phẩm Y sanh 23; vị nhập lưu Y sanh 10; ngoại khoa Y chánh 2; Y sanh 16.

Hiệu Minh-mạng năm thứ 10, chuẩn cho Thái y viện, Viện sứ chánh tứ phẩm; Bang tự đứng kê lầy chức Thiêm sự phủ thiếu thiêm sự; Ngự y chánh ngũ phẩm; phó Ngự y tòng ngũ phẩm; tả Viện phán chánh lục phẩm; hữu Viện phán tòng lục phẩm; Y chánh tòng lục phẩm; Y phó tòng thất phẩm.

KHÂM THIÊN GIÁM, 欽天監

OBSERVATOIRE.

Có 1 vị Đại thần quản lý.

Giám chánh 1; Giám phó 2; Ngũ quan chánh 4; Linh đài lang 2.

Khác cần ti : chánh bát phẩm thơ lại 4; chánh cừu phẩm thơ lại 4; vị nhập lưu thơ lại 20.

Hiệu Minh-mạng năm thứ tám, chuẩn định Quan chế : Giám chánh, chánh ngũ phẩm; Giám phó, tòng ngũ phẩm; Ngũ quan chánh, chánh lục phẩm; Linh đài lang, chánh thất phẩm.

Năm thứ mười, cải ti Chiêm hậu làm Kính cần ti; đến năm thứ mười lăm, cải Kính cần ti làm Khác cần ti, chủ việc thiên văn cùng lịch số.

THIỆM SỰ PHÚ, 詹事府

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE, ARCHIVES IMPÉRIALES.

Thiệm sự, kiêm chức Hàn lâm viện Thị độc học sĩ; Thiều thiệm sự, kiêm chức Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, đều 1 người, chương *kinh sử văn chương chi sự*, đồng với Hàn lâm viện học sĩ.

Chủ bộ 1 người, chương văn gi; Bút thiếp thức 6 người.

Tả xuân phường, *Tả thứ tứ*, kiêm Hàn lâm thị độc; *Tả trung doãn*, kiêm Hàn lâm biên tu; *Tả tán thiện*, kiêm Hàn lâm kiểm thảo, chương việc ký chú, soạn tu, đồng với Hàn lâm viện thị độc, thị giảng, biên tu.

Hữu xuân phường, *Hữu thứ tứ*, kiêm Hàn lâm thị giảng; *Hữu trung doãn*, *Hữu tán thiện*, kiêm Hàn lâm biên tu, kiểm thảo, đồng việc với *Tả xuân phường*.

Tây má, kiêm Hàn lâm tu soạn, chương *kinh tịch*, *đồ thơ*.

Chánh tự 1 người, chương *phán chánh văn tự*.

Chức Thiệm sự, Thiều thiệm sự đều lãnh làm *Kinh diên giảng quan*, *Nhật giảng quan*.

Về phép khởi cư chú, từ Thiệm sự trở xuống cho tới các quan phường cuộc, đều kiêm lãnh cũng như bên viện Hàn lâm.

Phàm có chỉ dạy hội nghị, khán nghiệm, nguyệt tuyên, thu thẩm, triều thẩm, chức Thiệm sự, Thiều thiệm sự đều được vào hội nghị.

NỘI VỤ PHÚ, 內務府

COMMISSARIAT CHARGÉ DE LA DIRECTION DES TRÉSORS, MAGASINS
ET MUSÉES.

Phân ra có Quan phòng, Đô gia, Linh sử, Thanh thân, Tiết thân các ti; có Thị lang, Lang trung, Viên ngoại, Chủ sự, Tư vụ, bát cữu phẩm, vị nhập lưu, phân chương các kho tàng châu báu, vàng, bạc, hàng giẻ, thàng hạng, phải dùng đồng người. Ngoài có võ khô, các thương trường, mộc thương, hỏa pháo, chức Chương cũng nhiều người.

THỊ VỆ XỨ, 侍衛處

GARDE IMPÉRIALE.

Thông chương đại thân 1; Thông quản đại thân 1; Quản lãnh đại thân 2; Hiệp lãnh thị vệ 4; Nhứt đẳng thị vệ, không định ngạch sô; nhị đẳng thị vệ 5; tam đẳng 10; tứ đẳng 15; ngũ đẳng 30; ngân bài 20; nha bài 40. Ấy là những người *huấn thích thân tín* (1) chọn làm túc vệ.

Có thị vệ xứ *cần tín ti*, có người *lìm để*, chính là người thân tín xem xét truyền báo các việc.

HÀNH NHƠN TI, 行人司

BUREAU DES INTERPRÈTES.

Chuyên hay dịch nói tiếng các nước lạ.

Hiệu Minh-mạng năm thứ ba, có đặt hành nhơn ti, hành nhơn trật chánh cửu phẩm.

(1) Chỉ nghĩa là bà con tín cậy.

Năm thứ năm, đặt thông ngôn trật tùng bát phẩm.

Năm thứ tám, đặt thông dịch, chánh thất phẩm.

Lại đặt chánh bát phẩm hành nhơn, chánh cửu phẩm hành nhơn.

Năm thứ mười lăm, nghị chuẩn cho những người nguyên có tập tiếng cùng biết chữ Tây thì cho làm cai đội, lãnh hành nhơn ti, lại những người học tiếng Quán-đông, tiếng Xiêm, tiếng Lào, tiếng Chà-và, đều cho vào hành nhơn ti làm một vệ.

VÒ BẢNG CHỨC CHẾ, 武班職製

SERVICE MILITAIRE.

Ngũ quân đặt Chương phủ, chánh nhứt phẩm; Đô thông tùng nhứt phẩm, đều 1 người.

Các dinh, mỗi dinh 5 vệ, đặt Đô thông, hoặc Thông chế chánh nhì phẩm đều 1 người.

Kinh kỳ thủy sư, đặt Đô thông, Đề đốc chánh nhì phẩm; lại đặt quan văn nhì phẩm làm Hiệp lý, cũng đều 1 người.

Các dinh vệ, mỗi vệ 10 đội, đặt Vệ huy chánh tam phẩm, phó Vệ huy tùng tam phẩm, đều 1 người.

Mỗi đội binh 50, đặt cai đội 1, chánh ngũ phẩm.

Đội trưởng, chánh thất phẩm;

Ngoại huy đội trưởng, đều 2 người.

Còn các địa phương ở ngoài: tỉnh lớn đặt Đề đốc; đặt Lãnh binh chánh tam phẩm; phó Lãnh binh tùng tam phẩm, đều 1 người.

Tỉnh vừa, đặt Lãnh binh, hoặc phó Lãnh binh, 1 người.

Còn vệ, thì đặt Vệ huy tùng tam phẩm, phó Vệ huy chánh tứ phẩm.

Cơ, thì đặt Quân cơ chánh tứ phẩm; phó Quân cơ tùng tứ phẩm, đều 1 người.

Mỗi đội, đặt cai đội từng ngũ phẩm, suất đội chánh lục phẩm đều 1 người; đội trưởng từng thất phẩm; ngoại hùỵ đội trưởng đều 2 người.

TẠI KINH QUÂN HIỆU, 在京軍號

APPELLATIONS DES DIFFÉRENTS CORPS DE TROUPES DE LA CAPITALE.

thì là :

Cầm y vệ, 錦衣衛 10 đội; Kim ngô vệ, 金吾衛 10 đội; Loan giá, 鑾駕 Loan nghi, 鑾儀 Dực vô, 翼武 Dực chân, 翼振 đều 3 đội; Dực đề, 翼梯 4 đội; Tuyển phong, 選鋒 10 đội; Võ lâm, 武林 tả, hữu Dực đều 5 vệ, làm thân binh.

Thần cơ, 神機 Tiên phong, 前鋒 Long vô, 龍武 Hồ oai, 虎威 Hùng nhuệ, 雄銳 5 dinh, mỗi dinh 5 vệ, mỗi vệ 10 đội.

Kỳ vô vệ, 耆武衛 4 vệ; Binh mộ, 兵募 Kinh tượng, 京象 2 vệ; Thượng tứ viện, 上駟院 Khinh kị, 輕騎 Phi kị, 飛騎 2 vệ; Long thuyền vệ, 龍船 10 đội.

Vô bị viện, 50 tên binh mộ; Thượng trà viện, 80 tên binh mộ; Tư pháo đội, 50 tên binh mộ; Tài thọ đội, 50 tên binh mộ; Giáo dưỡng, các đội; Vòng thành vệ, 10 đội; Thượng thiện đội, 50 tên binh mộ; Phụng thiện đội, 30 tên binh mộ, đều là cấm binh.

Ngũ quân ngũ bảo đều dùng vệ nhứt vệ nhì, 2 vệ.

Kinh kỳ thủy sư, trung, tả, hữu 3 dinh, mỗi dinh 5 vệ.

Giám thành vệ, 5 đội; Thủ hộ, trung, tiên, tả, hữu, 4 vệ; Dực hùng, 8 đội; Lý thiện ti, 3 đội; Hòa thịnh; Thanh bình, đều 3 đội.

THỪA THIÊN PHÚ, 承天府

PRÉFECTURE DE LA CAPITALE.

Kinh thành Đề đốc kiêm lý, 提督兼理 Thừa-thiên phủ sự vụ, 1 người.

Phủ đoàn, 府尹 1.

Bộ thuộc có *Tá thăng ti* : thông phán, kinh lịch, đều 1 người, chánh bát phẩm thơ lại 2; chánh cửu phẩm thơ lại 6; vị nhập lưu thơ lại 25.

Hữu thăng ti : thông phán, kinh lịch, đều 1 người; chánh bát phẩm thơ lại 6; vị nhập lưu thơ lại 25.

Thuở đầu lập dinh Quảng-đức, nguyên cũ là xứ Thuận-hóa, phủ Triệu-phong, năm Tân-dậu mới cải là Quảng-đức dinh, đặt ra có quan Lưu thú, có ký lục, cai bộ. Thuộc ti có thơ ký, tri bộ, cai án, tri án, câu kê, cai hạp, thủ hạp, bốn ti các chức.

Hiệu Gia-long năm đầu, đặt Quảng-đức dinh, có Khâm sai lưu thú 1.

Ti xá sai, thì có câu kê 2; cai hạp 6; thủ hạp 12; bốn ti 29. Còn Tương thân lại ti, thì có câu kê 2; cai hạp 5; thủ hạp 12; bốn ti 32.

Đến năm thứ ba, chuẩn định công đường lưu thú, ký lục, cai bộ, chức chế đều chánh tam phẩm (như dùng quan tòng nhì phẩm sập lên kiêm lãnh, thì cứ theo phẩm cấp ấy). Thơ ký, cai án, tri bộ, chức chế đều tòng ngũ phẩm. Câu kê tòng lục phẩm; cai hạp ở đó, lại với chiêm hậu ti cai hạp, đều đề tòng thất phẩm; thủ hạp với chiêm hậu ti thủ hạp, đều đề tòng bát phẩm; bốn ti cùng chiêm hậu ti, đều cho tòng cửu phẩm.

Qua năm thứ bảy, cải xá sai, tương thân lại hai ti, làm tả hữu thăng hai ti, phân làm Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công, sáu phòng, lại dùng cựu ngạch xá sai trong dinh mà bỏ vào đó.

Lại chuẩn qui thầy thuốc giỏi ở ngoại tịch, lập làm một ti lương y.

Lại chuẩn định ti tả thăng, câu kê 1; cai hạp 2; thủ hạp phòng lại 2; bốn ti 10; thủ hạp phòng binh 2; bốn ti 10; hình phòng thủ hạp 2; bốn ti 25.

Hữu thăng ti, câu kê 1; cai hạp 2; hộ phòng thủ hạp 2; bốn ti 25; lễ phòng thủ hạp 2; bốn ti 10; công phòng thủ hạp 2; bốn ti 15.

Ti lương y, huân khoa 1; về tăng giai tòng cửu phẩm; bốn ti 15; vị nhập lưu.....

Sau có chỉ dụ Quảng-đức dinh làm trực lệ Quảng-đức dinh.

Hiệu Minh-mạng năm thứ hai, cải cai hạp làm chánh bát phẩm thơ lại; thủ hạp làm chánh cửu phẩm thơ lại.

Năm thứ ba, nghị chuẩn tả thăng ti câu kê 1; Lại phòng chánh cửu phẩm thơ lại 2; vị nhập lưu thơ lại 10. Các phòng khác đều cải như vậy.

Cũng trong năm ấy, cải Quảng-đức dinh làm Thừa-thiên phủ.

Năm thứ tư, bỏ thọ cho kinh thành Đề đốc kiêm lý Thừa-thiên phủ sự vụ 1; Phủ doãn 1; đều lãnh chánh tam phẩm.

Lại đặt Phủ thăng hoặc Phủ thừa 1, chánh tứ phẩm.

Năm thứ tám, cải tri bộ làm thông phán, câu kê làm kinh lịch.

Năm thứ chín, tài tình chức huân khoa, trong ti lương y.

Hiệu Thiệu-trị năm thứ ba, y lời tâu, chuẩn cho các viên dịch trong nha ấy, phân làm tả, hữu thăng hai ti, bãi danh hiệu sáu phòng.

THUỘC PHÚ KINH HUYỆN, 縣京府屬

SOUS-PRÉFETS DE LA CAPITALE.

Hương-trà huyện : tri huyện 1, coi luôn huyện Phú-vinh; lại mục 1; thông lại 7.

Quảng-diễn huyện : tri huyện 1, coi luôn huyện Phong-diễn; lại mục 1; thông lại 5.

Hương-thủy huyện : tri huyện 1, coi luôn huyện Phú-lộc; lại mục 1; thông lại 5.

Hiệu Gia-long năm đầu, tại Hương-trà, Quảng-diễn, Phú-vinh ba huyện, mỗi huyện đều đặt 2 tri huyện, xưng là Đông đường, Tây đường.

Lại chuẩn mỗi huyện, đặt đề lại 2; thông lại 8.

Năm thứ mười hai, y lời tâu, chuẩn huyện nào đinh sô quá 6,000, cho đặt 2 tri huyện; đinh sô 5,000 sấp xuống, đặt 1 tri huyện.

Mỗi huyện đặt đề lại 1; thông lại 2; chánh sai 6, ở dưới vị nhập lưu.

Hiệu Minh-mạng, năm thứ ba, chỉ chuẩn cho kinh huyện trật chánh lục phẩm.

Năm thứ năm, dụ Thừa-thiên phủ, Hương-trà, Quảng-diễn, Phú-vinh ba huyện đặt thêm huyện thăng đều 1 người, trật từng lục phẩm.

Năm thứ tám, bỏ chức ký huyện, cai huyện, tư huyện cùng các chánh sai.

Năm thứ mười hai, nghị chuẩn cho Hương-trà, Phú-vinh làm *tối yếu khuyết* (1); Quảng-diễn làm *trung khuyết*.

(1) Nghĩa là huyện lớn nhiều công việc.

Lại cải để lại làm lại mục.

Năm thứ mười lăm, phân Phú-vinh, Hương-trà, Quảng-diễn ba huyện, làm Phú-lộc, Hương-thủy, Phong-diễn, cả thảy sáu huyện, đều đặt 1 tri huyện.

Năm thứ mười bảy, nghị chuẩn hễ huyện nào là *tối yếu khuyết*, thì đặt 2 lại mục; huyện nào *trung khuyết*, thì đặt lại mục 1.

Lại chuẩn huyện Hương-trà làm huyện đầu.

NHỊ THÀNH NGUYÊN THIẾT QUAN LẠI, 吏官設原城二

ANCIENNE DÉNOMINATION DES PROVINCES DE GIA-ĐÌNH ET DU TONKIN.

Hiệu Gia-long năm đầu, đặt trong Gia-định 1 thành, Bắc-thành 1 thành, cả thảy có 2 thành.

Đặt Tổng trấn, phó Tổng trấn, cai bộ, cai án, tri bộ.

Lại phái Hộ, Binh, Hình, ba Bộ tham tri đều 1 người, thêm sự cũng đều 1 người, phân hay việc Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công, sáu tòa. Lại đặt thơ ký, cai án, tri bộ, xá sai ti, tương thần lại ti.

Tại Bắc thành lại đặt *điển hàn ti*, *điển thơ ti*, *lại ti*, *lễ ti*, *bí thư ti*; mỗi ti có câu kê, cai hạp vãn vãn, tùy việc phiên gián, không định là mấy người.

Năm thứ ba, cải xá sai, tương thần hai ti, làm lại tả hữu thàng cũng hai ti.

Sau y theo lời tâu, chuẩn Gia-định thành chánh dinh, các ti lập làm tả hữu thàng hai ti, mỗi ti 100 người, phân làm Hộ, Binh, Hình, Công bốn phòng, còn ti chiêm hậu thì đặt 10 người.

Đên đời Minh-mạng năm thứ mười hai, mười ba, tãi tỉnh Bắc-thành, Gia-định-thành, các tào viên dịch.

TRẦN TÂY NGUYÊN THIẾT, 鎮西原設

ANCIEN CAMBODGE.

Hiệu Gia-long năm thứ mười hai, chỉ chuẩn cho Khâm sai cai cơ Nguyễn-văn-Thoại, giữ thành Nam-vang, làm Bảo hộ nước Cao-mên.

Lại y lời tâu, chuẩn cho cai bộ trấn Vĩnh-thanh, là Nguyễn-xuân-Thục, hiệp cùng Nguyễn-văn-Thoại, giữ thành Nam-vang cùng Bảo hộ Vua Cao-mên.

Hiệu Minh-mạng năm thứ hai, chiếu cho Khâm sai Thông chế Nguyễn-văn-Thoại, coi giữ đồn Châu-độc, Bảo hộ nước Cao-mên, lại lãnh luôn công việc trấn Hà-tiên.

Năm thứ mười bốn, dụ cho quan Hộ bộ Thượng thư, là Trương-minh-Giăng, đổi làm Binh bộ Thượng thư, lãnh làm An-hà Tổng đốc, kiêm Bảo hộ Cao-mên quốc ân.

Năm thứ mười lăm, đặt thừa biện Nam-vang thành, chánh cử phẩm thơ lại 1, vị nhập lưu 10.

Năm thứ mười sáu, dụ cho quan Tuần phủ Lê-đại-Cang, hiệp cùng Tổng đốc Trương-minh-Giăng, lãnh luôn việc Bảo hộ nước Cao-mên.

Lại chuẩn Hàn-lâm viện thừa chỉ 2; tu soạn 3; kiểm thảo 3; chánh bát phẩm thơ lại 6; chánh cử phẩm thơ lại 6; tiền văn Nam-vang thành sai phái.

Lại dụ cho bảo An-nam thuộc về thành Nam-vang, cải làm thành Trần-tây.

Đặt Trần-tây tướng quân, trật chánh nhứt phẩm, hoặc đặt quan tùng nhứt phẩm: Tham tán đại thần 1, chánh nhì phẩm;

Hiệp tán cơ vụ 1, chánh tam phẩm; binh bị đạo, lương từ đạo, đều 1 người, trật chánh tứ phẩm; an biên ti, viên ngoại 2, đều chánh ngũ phẩm; chủ sự 3, chánh lục phẩm; tư vụ 4, chánh thất phẩm; chánh bát, cừu phẩm thơ lại, đều 8 người; vị nhập lưu thơ lại 16; giáo thọ 10, trật chánh thất phẩm; huân đạo 10, trật chánh bát phẩm.

Năm thứ mười tám, chuẩn cải Sơn-bộc phủ, làm Sơn-định phủ; nguyên Cù-lâm phủ, làm Mỹ-tài phủ. Còn các chỗ thuộc về Hải-tây, là Âu-ca, Vọng-vân, Du-trung, Y-dĩ, Ngọc-bài; các chỗ thuộc về Hải-đông, là Châu-tài, Bình-xiêm, Ca-thị, Phước-lai; các chỗ thuộc về phủ Sơn-định, là Sơn-phô, Sơn-trung, Trưng-thoại, Hoa-lâm, Quê-lâm; các chỗ thuộc về phủ Quảng-biên, là Khai-biên, Kim-trường, cả thảy 16 phủ đều cải làm huyện.

Lại nghị Hải-tây, Hải-đông, Sơn-định, Quảng-biên 4 phủ, mỗi phủ có 4, 5 huyện; đặt chức Tuyên phủ sứ 1 người, dùng quan tam phẩm làm quản lãnh, hoặc dùng bậc nhỏ hơn sung biện.

Bộ thuộc: tri sự 1; lại mục 2; vị nhập lưu thơ lại 10; các phủ khác cũng gần như vậy.

Năm thứ hai mươi một, y lời tâu chuẩn cho cả hạt Trân-tây, tùy địa thế cùng dân số nhiều ít, đặt làm Nghi-hòa, Nam-ninh, Võ-công, Hải-tây, Ninh-thới, Hải-hòa, Hà-bình, Sơn-tĩnh, Mỹ-tài, cả thảy 10 phủ; còn lại Thái-an, Đông-lâm, Thượng-phong, Phong-tương, Nam-thạnh, Phò-nam, Nam-thới, Bình-xiêm, Kỳ-tô, Trưng-thoại, Hải-bình, Du-trung, Ngọc-bi, Giang-hữu, Thới-thạnh, Hải-ninh, Tập-vinh, Trung-hà, Phước-lai, Quê-lâm, Sơn-đông, Mỹ-tai, Hoa-lâm, cả thảy 23 huyện. Trong ấy Hải-tây,

Ninh-thới 2 phủ, đều do chức Tuyên phủ sứ Hải-tây quản hạt; Hải-hòa, Hà-bình 2 phủ, đều do chức Tuyên phủ sứ Hải-hòa quản hạt; Sơn-tĩnh, Mỹ-tài 2 phủ, đều do quan Tuyên phủ sứ Sơn-tĩnh quản hạt.

Lại nghị chuẩn Thái-an, Thượng-phong, Nam-thạnh, Bình-xiêm, Hải-bình, Ngọc-bi, Hải-ninh, Trung-hà, Quê-lâm, Mỹ-tài 10 huyện đều trừ ra để cho phủ kiêm lý, không phải huyện; Du-trung, Hoa-lâm 2 huyện đã có người quyền thự cũng trừ ra; còn 11 phủ, huyện khác, đều đặt tri phủ, tri huyện, giáo thọ, huân đạo.

Hiệu Thiệu-trị năm thứ hai, tãi tỉnh các quan lại đã đặt tại Trần-tây.

CÁC TỈNH ĐỐC, PHÚ, 撫督省各

VICE-ROI, GOUVERNEUR DE PROVINCE.

Nam-ngãi Tổng đốc 1, ngôi tại phủ Điện-bàn; Bình-phú Tổng đốc 1, ngôi tại phủ Hoài-nhơn; Định-biên Tổng đốc, ngôi tại phủ Tân-bình; Long-tường Tổng đốc, ngôi tại phủ Định-viên; An-hà Tổng đốc, ngôi tại phủ Tuy-biên; An-tĩnh Tổng đốc, ngôi tại Anh-sơn phủ thuộc Nghệ-an; Thanh-hóa Tổng đốc, ngôi tại phủ Thiệu-hóa; Hà-ninh Tổng đốc, ngôi tại phủ Hoài-đức; Định-an Tổng đốc, ngôi tại phủ Thiên-trường thuộc Nam-định; Hải-an Tổng đốc, ngôi tại phủ Bình-giang thuộc Hải-dương; Sơn-hưng-tuyên Tổng đốc, ngôi tại phủ Quảng-oai thuộc Sơn-tây; Ninh-thái Tổng đốc, ngôi tại phủ Từ-sơn thuộc Bắc-ninh; ấy đại để hai tỉnh lớn, hoặc ba tỉnh nhỏ sáp vô một, đặt 1 ông Tổng đốc.

Phú-yên Tuấn phủ 1, ngôi tại phủ Tuy-an; Thuận-khánh, Tuấn phủ 1, ngôi tại Hàm-thuận phủ thuộc Bình-thuận; Biên-hòa Tuấn phủ 1, ngôi tại phủ Phước-long; Định-tường Tuấn phủ 1, ngôi tại phủ Kiên-an; Hà-tiên Tuấn phủ 1, ngôi tại Phú-an-biên; Trị-bình Tuấn phủ 1, ngôi tại phủ Triệu-phong, hoặc tại phủ Hà-thanh thuộc Quảng-trị; Ninh-bình Tuấn phủ 1, ngôi tại Phủ-an-khánh; Hưng-an Tuấn phủ 1, ngôi tại phủ Khoái-châu; Hưng-hóa Tuấn phủ 1, ngôi tại phủ Gia-hưng; Lưỡng-bình Tuấn-phủ 1, ngôi tại phủ Trường-khánh, thuộc tỉnh Lạng-sơn.

Các tỉnh nhỏ không đặt Bộ chánh, chức Tuấn phủ phải kiêm ần Bộ chánh.

Các Tổng đốc, lệ kiêm lãnh hàm Binh bộ Thượng thư, hoặc kiêm hàm Đô sát viện hữu Đô ngự sử.

Các Tuấn phủ, lệ kiêm hàm Binh bộ Tham tri, hoặc kiêm hàm Đô sát viện hữu phó Đô ngự sử. (Bình-thuận, Biên-hòa, Định-tường, Hà-tiên, Trị-bình, Hà-tĩnh, Ninh-bình, Hưng-hóa, Lạng-sơn 9 tỉnh, các Tuấn phủ đều kiêm hàm Đề đốc.)

Hiệu Gia-long năm đầu, nghị Quảng-bình, Quảng-trị, Quảng-nam, Quảng-nghia, Bình-định; Bình-khương (nay là tỉnh Khánh-hòa); Bình-thuận; Phú-yên; Phan-yên (nay là Gia-định); Biên-hòa; Vĩnh-thanh (nay là Vĩnh-long); Định-tường; Thanh-hoa (nay là Thanh-hóa); Nghệ-an; Sơn-nam-thượng (nay là Hà-nội); Sơn-nam-hạ (nay là Nam-định); Kinh-bắc (nay là Bắc-ninh); Sơn-tây, Hải-dương, Thái-nguyên, Lạng-sơn, Tuyên-quang; An-quang (nay là Quảng-an); Cao-bằng, Hưng-hóa các dinh Trần, đều đặt chức Lưu thú, Trần thủ, đều một người.

Hiệu Minh-mạng năm thứ mười bốn, nghị cải Phan-yên làm tỉnh Gia-định.

Hiệu Thiệu-trị năm thứ năm, nghị bãi chức Tuần phủ Gia-dịnh, Tuần phủ An-giang.

Năm thứ bảy, tại Nam-ngải bãi chức Tuần phủ, đặt là Nam-ngải Tổng đốc.

Lấy theo hội điển nhà Thanh, nói về ngoại quan, các tỉnh Tổng đốc thông hạt văn võ, cật trị quân dân; các Tuần phủ tổng lý Giáo dưỡng, kinh chánh; Thừa tuyên Bô chánh sứ ti, thì chương tài phú; Đề hình An sát sứ ti, thì chủ hình danh. Cả thấy việc lương từ, thuê vụ, việc trạm, việc binh dân, việc sông rạch, kho tàng, trà, ngựa, đồn điền, việc giữ gìn, sát hạch quan lại, huân khóa nông tang, hưng hiến năng, sửa giới phòng tục cùng việc phong cương vân vân, các Tổng đốc, các Tuần phủ phải giữ môi giếng; các ti, các đạo, bày giáo lệnh, xướng suất các phủ. Mỗi phủ có tri phủ, đồng tri, thông phán cho được xướng suất các châu huyện; châu có tri châu, đồng tri, phán quan; huyện có tri huyện, có huyện trưởng, có thủ bộ, đều hay việc diễn thổ, hộ khẩu, phú thuế, từ tụng.

Còn ti lo việc học hành, tại phủ thì có giáo thọ, tại châu thì có học chánh, tại huyện thì có giáo dụ, cả hai chức này, đều kêu là huân đạo, phải lo dạy dỗ con dân cho thành tài, cho nên phong hóa.

Các ti các phủ thì có thủ lãnh; các châu huyện thì có tạp chức, có kinh lịch, có đô sự, có lý văn, có chiêu ma, có kiểm hiệu, có tri sự, tư ngục, lại mục, điển sử, dịch trưởng, tuần kiểm, hoặc hay một việc, hoặc gánh việc sai phái, cao thấp có bậc, lớn nhỏ nương nhau, phân làm việc bổn phận, giúp nên muôn muôn dân.

Từ đời Nhà Trần sắp về trước, chưa phân tỉnh, một hạt lớn kêu là lộ, đặt chức Lộ tổng quản, cũng đồng với chức Tổng trấn.

CÁC TỈNH BỐ, ÁN, 按布省各

CHEF D'ADMINISTRATION, CHEF DU SERVICE JUDICIAIRE.

Mỗi tỉnh đều đặt Bộ chánh 1, 布政; Án sát 1, 按察. Như tỉnh nào có lệ đặt Tuần phủ, thì không có Bộ chánh, ân tryện Bộ chánh về Tuần phủ kiêm lãnh; như đặt Bộ chánh mà thôi, thì ân tryện Tuần phủ đều giao cho Bộ chánh, Án sát hội đồng mà giữ dùng.

Hiệu Gia-long năm đầu, đặt ra có thành, dinh, trấn, đạo. Thuở ấy có chỗ đặt Cai bộ, Ký lục; có chỗ đặt Hiệp trấn, Tham hiệp, có chỗ đặt Quán đạo, Hiệp thú.

Hiệu Minh-mạng năm thứ mười hai, bãi chức Hiệp trấn, Tham hiệp, đặt Bộ chánh, Án sát đều một người.

Phàm trong cương lý, ở trong thì có phủ Thừa-thiên, đặt có Phủ doãn, Phủ thăng, thì là *trọng thú thiện* nghĩa là trọng chỗ đầu môi vậy.

Ngoài đặt 30 tỉnh, tỉnh lãnh phủ; còn phủ, thì lãnh huyện, châu.

Ti tài phú thì huy cho Bộ chánh sứ, mà phải tòng Tổng đốc, Tuần phủ. Có khi đặt Tổng đốc kiêm Tuần phủ; có khi đặt Tuần phủ kiêm Bộ chánh, mà không tòng Tổng đốc; cũng có tỉnh không đặt Tổng đốc, Tuần phủ, để cho Bộ chánh hay việc mà thôi; ấy là nhưn địa thế, tùy theo sự thế, định làm cương lý, *dụng thổ dụng dân nhi tác chi cống phú* nghĩa là dùng đất dùng dân mà phân ra lính thuê vậy.

Hiệu Minh-mạng năm thứ mười hai, lại nghị chuẩn, các Bộ chánh, Án sát, hễ có việc phải tâu, phải tư, thì phải cho

quan Thượng ti, là Tổng đốc, hoặc Tuần phủ biết trước. Như phải là việc *dân sanh lợi bình*, mà ý kiến khác nhau, hoặc phải quan Thượng ti làm ngang, hiệp chế, thì mới cho làm tờ *thật phong* lại mà tâu ngay.

Vả như sự thể trong tỉnh Cao-bằng không đồng cùng các nơi khác; hễ tại tỉnh ấy có sự chi quan cần, thì hai ti bổ, án phải tính với nhau, cho hội hàm mà làm giấy gởi ngay, mà cũng phải báo cho Tuần phủ Lạng-bình biết. Còn về việc cả thể phải đòi, phải làm, thì sẽ hội hàm, lại báo cho Tuần phủ xét đi xét lại, làm tờ tâu xin thi hành. Về các việc khác thuộc về ti nào, thì do ti ấy cứ lệ thường chiêu biện : việc phải tâu, thì làm giấy tâu, việc phải tư Bộ, thì cứ làm giấy cho Bộ.

Hiệu Minh-mạng năm thứ mười lăm, có chỉ dụ rằng : buổi trước các địa phương kêu là trần, đặt có quan võ làm Trần thủ, còn chức Hiệp trần, Tham hiệp thì về quan văn, hay hết các việc binh dân sự vụ, nay mới đặt tỉnh cùng đặt chức Tổng đốc, Tuần phủ, Bô chánh, An sát, Lãnh binh, quyền thông nhíp về nơi Tổng đốc, Tuần phủ, thì Bô chánh, An sát, Lãnh binh, đều phải thỉnh tòng ; bằng tỉnh nào đặt Bô chánh, An sát, Lãnh binh mà thôi, chức phận không cao thấp gì hơn nhau là bao nhiêu, thì phải tùy theo việc bàn tính cùng nhau mà làm mới được xong xuôi. Như việc chi phát tiền lương, tra biện án kiện, trạch cử phủ, huyện văn chức, cùng các chức tâm thường, đều do nơi Bô, An, cứ chức phận mình mà tính, quyền Lãnh binh không phải dự vào. Chỉ như trạch cử võ chức, sai phải bàn binh, phân bổ đồn trại, cùng việc tuần phòng, đánh bắt, có phải là việc giặc, thì chuẩn cho chánh phó Lãnh binh trong tỉnh hội đồng cùng Bô, An mà nghị việc; việc phải tâu, thì

chuẩn cho mỗi người đứng tên vào trong sổ, cho lấy *chúng trí thành thành* (1), văn võ đều giúp nhau.

Hiệu Minh-mạng năm thứ mười sáu, có chỉ chuẩn hạt nào chưa đặt Tuần phủ, có Bộ chánh làm Hộ phủ, hoặc quyền lãnh, quyền chương chức Tuần phủ mà thôi, thì cho An sát hội đồng hộ lý Tuần phủ quan phòng.

Hễ tỉnh nào đã đặt Tổng đốc, hoặc Tuần phủ, thì quyền thông nhíp đều về hai ông ấy, sổ sách một mình hai ông ấy đứng, nhưng vậy có việc cũng cho Bộ chánh, Lãnh binh liên danh đóng dấu, *đàng sau Tổng đốc*.

Thừa tuyên Bộ chánh sứ ti, hoặc kêu là Phan ti, kiêm chương việc Lại, Lễ, Binh, Công, mà chánh chương là việc hộ.

Ti thuộc, như tại Gia-định thuở xưa thì thông phán 1, kinh lịch 1; chánh bát phẩm thơ lại 4; chánh cửu phẩm thơ lại 6; vị nhập lưu thơ lại 30.

Đời Gia-long, chuẩn định làm tả hữu nhị thăng ti, mỗi ti đều có câu kê, cai hạp, thủ hạp cùng bốn ti, phân làm sáu phòng, là Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công. Đến đời Minh-mạng năm thứ tám, cải làm tả hữu thông phán, tả hữu kinh lịch.

Năm thứ chín, cải ti lệnh sử, làm thuộc lại tòng bát phẩm thơ lại; bốn ti làm chánh cửu phẩm thơ lại.

Đề hình án sát sứ ti, hoặc kêu là niết ti, kiêm chương hình danh cùng ti vụ tuyên, nhưng vậy nhiều việc cũng hội đồng phân quản với phan ti.

(1) Nghĩa là lấy trí đồng làm chắc như thành.

Ti thuộc, như tại Gia-định buổi trước, thì thông phán 1, kinh lịch 1; chánh bát phẩm thơ lại 2; chánh cửu phẩm thơ lại 3; vị nhập lưu thơ lại 20.

Còn ti vưu tuyên: Tư vụ 1; chánh bát, cửu phẩm đều 1; vị nhập lưu thơ lại 6.

Ngoài các trạm có dịch thừa, dịch mục, biện trạm, trạm phu, chức phận đều có sai đẳng.

Mỗi tỉnh có lễ sanh, chiêm hậu, lương y.

1^o Ti lễ sanh, có hiệu thừa, hoặc tự thừa 1; lễ sanh chừng 15 người.

2^o Ti chiêm hậu, (thường chủ việc làm lịch, chiêm thiên tượng). Có linh đài lang 1; chiêm hậu sanh chánh cửu phẩm 1, vị nhập lưu thơ lại 5.

3^o Ti Lương y, chánh cửu phẩm y sanh 1; y thuộc 10, cả thầy đều thuộc phan ti.

ĐỐC HỌC, 督學 GIÁO THỌ, 教授 HUẤN ĐẠO, 訓導

DIRECTION DE L'ENSEIGNEMENT.

Mỗi tỉnh, tại tỉnh đặt Đốc học 1 người; các phủ đặt Giáo thọ đều 1 người; các huyện đặt Huân đạo đều 1 người.

Hiệu Minh-mạng năm thứ ba, chuẩn đặt thêm chức phó Đốc học, cùng chức trợ giáo. Đến năm thứ mười tám, lại đặt thêm chức tổng giáo, nghĩa là thầy dạy tại tổng, có ý đề mà dạy người có đạo Thiên Chúa, *khứ tà qui chánh, cách bạc tòng trung* cho được đào thành mãi tục.

QUAN BINH CÁC TỈNH

SERVICE MILITAIRE DES PROVINCES.

Chánh, phó Lãnh binh; chánh, phó Vệ; chánh, phó Đề đốc, chuyên hay việc binh.

Đề đốc, chánh, phó Lãnh binh, tại tỉnh có việc phải hội hàm, cũng gọi là quan tỉnh. Chữ tỉnh ấy chỉ nghĩa là chỗ hội xét các việc trong địa hạt.

Mỗi vệ, có Vệ hús 1; phó Vệ hús 1; mỗi cơ, có chánh, phó Quản cơ đều 1 người.

Như tại Gia-định buổi trước, có tả hữu thủy vệ 2; cơ, vệ đều có 5 là trung, tiên, tả, hữu, hậu. Hiệu cơ, vệ đều lấy chữ Gia-định mà đề trước, như Gia-trung, Gia-tiên, Gia-tả, vân vân; Định-trung, Định-tiên, Định-tả, vân vân; mỗi cơ, vệ đều 10 đội.

Có tuyển phong một đội; gia tợng 1 đội; pháo thủ 1 đội; tuần thành 2 đội.

Mỗi tỉnh đặt thành thủ hús 1 người, trật từng tứ phẩm, hay giữ chìa khóa cửa thành, án kỳ đóng mở, lại hay việc tuần tiêu giữ gìn hoàn thành địa diện; quan Thượng ti phải lượng cấp bản binh hoặc 1 vệ, 1 cơ cho đủ sai phái. Tại kinh thành, thì có chức Hộ thành, vòng thành.

Ngoài các tân thủ cùng các quan tân, có chỗ đặt Tư vụ, có chỗ đặt bát, cửu phẩm thơ lại, lãnh làm thừa biện.

正副領兵正副衛正副

PHU, HUYỆN.

Tri phủ, tri huyện, tri châu; huyện, châu, thò quan.

1 Tỉnh hay 4, 5 phủ; 1 phủ lãnh 3, 4 huyện; chỗ thò dân đông, đặt thò tri huyện, thò tri châu, cũng đều từng phủ.

Như tỉnh Gia-định có 4 phủ, 9 huyện. Như phủ Tân-bình, thì lãnh Bình-dương, Tân-long, Phước-lộc, Bình-long bốn huyện. Huyện Bình-dương là chỗ lập phủ nha, thì không đặt quan, để cho phủ kiêm lý.

Phủ có tri phủ; có phân phủ, nghĩa là phủ lớn địa phận mà chia ra, lại có phủ hủ.

Bên Trung-quốc, chức tri phủ từng tứ phẩm, có đồng tri, phủ trưởng, thông phán, kinh lịch chia nhau đồng việc trị lý, việc binh lương, thuế khóa, từ tụng vân vân.

Phủ huyện phân ra có *xung*, *phiến*, *bì*, *nạn* bốn hạng.

Chức *xung* ấy chỉ nghĩa là ở gần kinh thành, dinh trấn cùng các đạo, công việc sai dịch nặng nề, hoặc ở dọc núi biển hiểm trở, trộm cướp nhiều, hoặc ở gần quan lộ, hoặc chỗ nước non, phải tu kiêu bồi lộ công việc nhiều lắm.

Chức *phiến* ấy chỉ nghĩa là ở chỗ đất rộng, người đông, việc binh lương sơ bội, nặng việc thoi đóc, hoặc nhằm chỗ hay kiện thưa, án từ rồi rắm, khó việc tra xét.

Chức *bì* ấy chỉ nghĩa là ở chỗ đất xấu, phen sỏi, làm nghề ruộng rẫy ít được; hoặc nhằm chỗ khô khan, trâm thủy, hễ có hạn, có lụt ít nhiều, liền phải tổn hại; lại trong các làng xa nhơn dân phải lưu lạc, thuê vụ, công sưu không đủ.

Chức *nạn* ấy chỉ nghĩa là chỗ có nhiều dân du thủ, chẳng lo việc làm ăn, nuôi chứa trộm cướp; thói dân ngoan ngạnh, hay

kiện cáo, lập bè đảng đánh giết nhau; lại có người hào cường ý thể ăn uống xui giục làm cho lính trốn, hoặc cầm cán không cho đóng thuế, khó việc đòi thu.

Như địa phận nào có cả bốn khoản ấy, thì kêu là *tối yếu khuyết*; có ba mà thôi, thì kêu là *yếu khuyết*; có hai thì kêu là *trung khuyết*; có một hay là không có, kêu là *giản khuyết*.

Huyện có tri huyện, có huyện trưởng, huyện hủ, hay việc *thôi khoa trưng lương*, từ tụng, trị lý cả thầy. Về các việc hộ hôn điền thổ cùng là án mạng trộm cướp, tại huyện phải tra vấn kiết án đưa lên cho phủ, phủ đưa lên cho tỉnh đoán định.

PHỦ, HUYỆN THUỘC LẠI, 府縣屬吏

SUBALTERNES DE PHỦ, HUYỆN.

Trong các nha môn phủ, huyện, đều đặt lại mục hay là để lại một người. Phủ nha, chỗ tối yếu khuyết, thông lại 8 người; yếu khuyết thông lại 7 người; trung khuyết thông lại 6 người; giản khuyết thông lại 5 người.

Huyện nha thông lại, chỗ tối yếu khuyết 7 người; yếu khuyết 6 người; trung khuyết 5 người; giản khuyết 4 người.

Lệ đặt trong các phủ huyện nha môn, lệ mục hay là câu quản đều 1 người. Tại phủ tạo lệ 50; tại huyện tạo lệ 30, đều về phần làng gần cấp.

Thỏ tri huyện, thỏ tri châu, trật chánh thất, bát phẩm; có đặt tá bang, hoặc cai huyện, ký huyện phụ sự.

Hiệu Minh-mạng năm thứ mười một, nghị chuẩn thổ châu huyện nào, định số từ 500 người, điển số từ 500 mẫu sắp lên,

thì mỗi châu đặt thổ tri châu ; mỗi huyện đặt thổ tri huyện 1, thổ lại mục 1 ; như đình điền số từ 100 trở lên, thì đặt thổ tri châu làm thổ huyện thành 1 ; đình điền số không đủ 100, thì đặt thổ lại mục mà thôi.

Hiện Minh-mạng năm thứ tám, chuẩn định thổ tri phủ từng lục phẩm ; thổ tri huyện từng thất phẩm ; thổ huyện thành từng bát phẩm ; thổ lại mục từng cửu phẩm.

CAI TỔNG, 該總 PHÓ TỔNG, 副總

CHEF ET SOUS-CHEF DE CANTON.

Lệ định mỗi huyện đặt có 4 phần tổng, hoặc 6 phần tổng, tùy theo địa phận rộng hẹp, dân số nhiều ít ; lựa người thanh liêm can cán đặt làm cai tổng, lãnh việc tuần phòng trộm cướp, từng huyện nha *thừa hành công vụ*.

Hễ tổng nào đình số từ 5,000 người sập lên ; điền số từ 1,000 trở lên, công việc nhiều ; lại tổng nào đảng đi tới 2, 3 ngày, hoặc 4, 5 ngày, thì đặt cai tổng, phó tổng đều 1 người ; còn bao nhiêu thì cứ đặt cai tổng 1 người, cho khỏi đều *nhúng lậm*.

Lệ định cai tổng ban đầu thì còn kêu là thí sai, 3 năm mãn hạn, thì lãnh thật thọ ; thật thọ lâu năm có công, *báo vô quá cứu* thì thăng thọ từng bát phẩm bá hộ, từng tỉnh sai phái.

Phàm điền thổ có công, có tư, có đảng hạng ; nhưn đình có tráng hạng, nhiều hạng, lão hạng ; có viên tử, công, tượng, phải nạp *tô tức, mãn tiến, điệu, cước, thập vật tiến (1)*, đều có sai đảng.

(1) Tô tức là thuê lúa ; mãn tiến là tiến chuỗi ; điệu là thuê hóa hạng ; cước là tiến chớ chuyên ; thập vật tiến là tiến bao đệm.

Phàm tu đình diễn sách tịch, cứ 3 năm tiểu tu, 6 năm đại tu.

Phép tu điển bộ, cứ mùa hạ, mùa thu, hoặc hạ, thu hai mùa; trong làng phải khai ruộng, đất, sào mẫu, thước, tấc là bao nhiêu, tọa lạc tại đâu, đông, tây tứ chí gắng cho rõ ràng. Còn tu đình bộ, thì cứ kẻ chịu tiền lúa làm *thật nạp hạng*; kẻ chịu sãn vật làm *biệt nạp hạng*; kẻ có quan chức cho tới bậc cử nhơn, tú tài, thì đem về hạng *chức sắc*; các nhiều âm, các lại dịch cùng binh, tượng, thì đem theo hạng *miễn sai*.

VĂN, VỞ GIAI CHÈ PHẠM CẤP.

*Công, Hầu, Bá, Tử, Nam, đều là tước thướng công nghiệp lớn
(mỗi tước đều có tam đẳng).*

VĂN GIAI, 文階

GRADES DES MANDARINS CIVILS.

Trên bậc nhứt phẩm, thì là Tôn-nhơn phù, Tôn-nhơn lệnh cùng chức Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

Chánh nhứt phẩm, cáo thọ đề chữ: *Đặt tấn vinh lộc đại phu*; thụy chỉ nghĩa là Hàm-ân, đề chữ *Văn-tuyên, Thượng tá*, hoặc *Thượng hữu Trụ quốc*.

Những hàng vào phẩm ấy thì là :

Tôn-nhơn phù, tá hữu Tôn chánh; Thiệu sư; Thiệu phó; Thiệu bảo; Cản chánh điện Đại học sĩ; Văn minh điện Đại học sĩ; Võ hiền điện Đại học sĩ; Đông các Đại học sĩ.

Tùng nhứt phẩm, cáo thọ đề chữ *Vinh lộc đại phu*; thụy là *Văn ới Trụ quốc*, thì là các hiệp biện Đại học sĩ.

Chánh nhì phẩm, cáo thọ *Tư thiện đại phu*; thụ là *Trang lượng*; Chánh trị thượng khanh, thì là Lục bộ Thượng thư; Đô sát viện, tả hữu Đô ngự sử cùng các tỉnh Tổng đốc.

Tùng nhì phẩm, cáo thọ *Trung phụng đại phu*, thụ là *Đoan khởi*, Chánh trị khanh :

Lục bộ tả hữu Tham tri; Đô sát viện tả hữu phó Đô ngự sử cùng các tỉnh Tuần phủ.

Chánh tam phẩm, cáo thọ *Gia nghị đại phu*, thụ là *Ôn mục*, *Tư trị khanh* :

Lục bộ tả hữu Thị lang; Hàn lâm viện Chương viện học sĩ; Hàn lâm viện Trực học sĩ; Thông chánh sứ ti Thông chánh sứ; Thái thường tự khanh; Đại lý tự khanh; Thừa-thiên phủ doãn; Thiêm-sự phủ Thiêm-sự; các tỉnh Bô chánh sứ; các biên Tuyên phủ sứ; Thù hộ sứ (tới việc có chỉ dùng quan văn, hoặc dùng quan võ).

Tùng tam phẩm, cáo thọ *Trung nghị đại phu*, thụ là *Ôn tịnh*, *Tư trị thiếu khanh* :

Thông chánh sứ ti, Thông chánh phó sứ; Thù hộ phó sứ; Quang lộc tự khanh; Thái bộc tự khanh.

Chánh tứ phẩm, cáo thọ *Trung thuận đại phu*, thụ là *Đoan cần*; *Tán trị doãn* :

Lục bộ Lang trung; Hàn lâm viện Thị độc học sĩ; Tôn-nhơn phủ tả hữu Tá lý; Thái thường tự Thiệu khanh; Đại lý tự Thiệu khanh; Quốc tử giám kê tửu; Hồng lô tự khanh; Thừa-thiên phủ thừa; các tỉnh An sát; Thiêm-sự phủ thiệu Thiêm-sự; Thái y viện viện sứ; Binh bị, lương từ các đạo.

Tùng tứ phẩm, cáo thọ *Triều liệt đại phu*, thụ là *Đoan lượng*, *Tán trị thiếu doãn* :

Lục khoa chương ân cấp sự trung; Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ; Quốc tử giám tư nghiệp; Quang lộc tự thiếu khanh; Thái bộc tự thiếu khanh; Tự tể ti tự tể sử; các tỉnh quản đạo.

Chánh ngũ phẩm, cáo thọ *Vinh nghị đại phu*, thụ là *Đoan trực*, *Tu chánh thứ doãn* :

Lục bộ viên ngoại lang; Hàn lâm viện Thị độc; Lục khoa cấp sự trung; chư đạo giám sát ngự sử; chư tỉnh Đốc học; Hồng lô tự thiếu khanh; Thái y viện ngự y; Tự tể ti phó sử; Khâm thiên giám Giám chánh; Tào chánh ti phó sử; ngoại biên án phủ sử; chư phủ đường Trường sử.

Tùng ngũ phẩm, cáo thọ *Phụng thành đại phu*, thụ là *Đoan thân*, *Hiệp chánh thứ thiếu doãn* :

Hàn lâm viện thừa chỉ; Hàn lâm viện Thị giảng; chư phủ đường phó Trường sử; Thái y viện, phó Ngự y; Khâm thiên giám Giám phó; chư tỉnh tri phủ.

Chánh lục phẩm sắc thọ *Thừa vụ lang*, thụ là *Đôn nhú* :

Lục bộ chủ sự; Hàn lâm viện trước tác; Khâm thiên giám ngũ quan; chư tỉnh đồng tri phủ; kinh huyện tri huyện; Thái y viện tả viện phán; chư ti, sở chủ sự.

Tùng lục phẩm sắc thọ *Văn lâm lang*, thụ *Đôn túc* :

Hàn lâm viện tu soạn; Quốc tử giám học chánh; Tôn-nhơn phủ tư giáo; chư phủ đường quản gia; Thái y viện hữu viện phán; chư tỉnh thông phán; các tỉnh tri châu, tri huyện.

Chánh thất phẩm, sắc thọ *Trung sĩ lang*, thụ là *Đôn gián* :

Lục bộ tư vụ; Hàn lâm viện biên tu; Đô sát viện lục sự; Quốc tử giám giám thẳng; Khâm thiên giám linh đài lang; chư

tình kinh lịch; các tỉnh giáo thọ; thân binh, cầm binh tri bộ; các nha, phủ, ti, sở chủ sự.

Tùng thất phẩm, sắc thọ *Trung sĩ tá lang*, thụ là *Đôn kính* :

Hàn lâm viện kiểm thảo; Tự tế ti điển sử; Thái y viện y chánh; chủ tỉnh Linh đài lang; thổ tri huyện, tri châu.

Chánh bát phẩm, sắc thọ *Tu chức lang*, thụ là *Cung đoán* :

Chủ tỉnh huân đạo; chủ bộ, viện, nha, sở, ti, tỉnh, chánh bát phẩm thơ lại; Thái y viện ngoại khoa y chánh; các phủ, đường tri sự.

Tùng bát phẩm, sắc thọ *Tu chức tá lang*, thụ là *Cung ới* :

Hàn lâm viện điển bộ; Thái y viện y phó; Quốc tử giám điển bộ; Văn miếu tự thừa, hay là Tự thừa; chủ bộ, viện, tự, các, cuộc, ti, sở, phủ, đường, tỉnh, tùng bát phẩm thơ lại (thường kêu là Hạp bát.)

Chánh cửu phẩm, sắc thọ *Đẳng sĩ lang*, thụ là *Cung mậu* :

Chủ bộ, viện, tự, các, cuộc, ti, sở, phủ, đường, tỉnh, chánh cửu phẩm thơ lại (thường kêu là Hạp cửu); Thái y viện y sanh; Tượng y ti y phó; Thái y viện ngoại khoa y phó; các tỉnh văn miếu tự thừa; các phủ, phân phủ lại mục.

Tùng cửu phẩm, sắc thọ *Đẳng sĩ tá lang*, thụ là *Cung phát* :

Hàn lâm viện đãi chiếu, cung phụng; quốc tử giám điển tịch; Thái y viện ngoại khoa y sanh; Tượng y ti y sanh; chủ bộ, viện, tự, các, cuộc, ti, sở, phủ, đường, tỉnh, tùng cửu phẩm thơ lại; các huyện lại mục; các tổng cai tổng.

VÕ GIAI, 武階

GRADES DES MANDARINS MILITAIRES.

Chánh nhứt phẩm, cáo thọ *Đặc tấn tráng võ tướng quân*, thụy là *Võ nghị, Thượng tá*, hoặc *Thượng hữu Trụ quốc* :

Ngũ quân (trung, tiên, tả, hữu, hậu), Đô thống phủ, Đô thông, chương phủ sự.

Tùng nhứt phẩm, cáo thọ *Tráng võ tướng quân*, thụy là *Võ khác, Trụ quốc* :

Ngũ quân Đô thông phủ đô thông; chư dinh (Võ làm tả hữu dực, Thân cơ, Tiên phong, Long võ, Hổ oai, Hùng nhuệ, Kỳ võ) Đô thông.

Chánh nhì phẩm, cáo thọ *Nghiêm oai tướng quân*, thụy là *Trung cần, Thượng hộ quân* :

Chư dinh Thông chế; các tỉnh Đề đốc.

Tùng nhì phẩm, cáo thọ *Hùng oai tướng quân*, thụy là *Trung phần, hộ quân* :

Chư dinh Chương vệ; Tập âm khinh xa đô huy; cầm y vệ đô chỉ huy sứ ti, đô chỉ huy sứ.

Chánh tam phẩm cáo thọ *Anh đông tướng quân*, thụy là *Anh túc, Khinh xa đô huy* :

Nhứt đẳng thị vệ; Kim ngô Trương ti; Kinh vệ vệ huy; chư tỉnh chánh lãnh binh; Cầm y vệ đô chỉ huy sứ ti, đô chỉ huy phó sứ.

Tùng tam phẩm, cáo thọ *Phần đông tướng quân*, thụy là *Anh mại, Khinh xa đô huy* :

Thượng trà viện viện sứ; Dực bảo vệ huy; Hộ thành binh mã ti, binh mã sứ; Phò mã đô huy; Tập âm nghiêu kỵ đô huy;

Giám thành vệ hús; Hộ thành vệ hús; chư tỉnh phó Lánh binh;
Thù hộ vệ hús; chư tỉnh vệ vệ hús.

Chánh tứ phẩm, cáo thọ *Minh nghĩa đô hús*, thụ là *Tráng
dực, Thân quân hiệu* :

Nhị đẳng thị vệ; Hộ thành binh mà ti binh mà phó sứ; Thượng
trà viện phó sứ; Dực bảo Thù hộ phó vệ hús; Giám thành,
Vòng thành phó vệ hús; chư tỉnh cơ, quản cơ.

Tùng tứ phẩm, cáo thọ *Tín nghĩa đô hús*, thụ là *Tráng
nghĩa, phó Thân quân hiệu* :

Thị vệ Trường; Tuyên hús sứ; Thành thủ hús; Phòng thủ
hús; Vô khô, Mộc thương đốc công sở phó Giám đốc; Tần thủ;
chư tỉnh cơ phó quản cơ; Tập âm khinh kị đô hús.

Chánh ngũ phẩm, cáo thọ *Võ công đô hús*, thụ là *Tráng
nhuệ, Hộ quân hiệu* :

Tam đẳng thị vệ; Nam bắc tào quản lãnh; Kinh vệ cai đội;
Cầm y, Kim ngô, Vô lâm, Thân cơ, cai đội; Tiên phong, Long
võ, Hồ oai, Hùng nhuệ, Kỳ võ, cai đội; Long thuyền, Thủy sư;
Kim thương, Dực bảo, Tự tế, Tài thọ cai đội; Hòa pháo, Giáo
dương, Thượng trà, Thượng thiện, cai đội.

Tùng ngũ phẩm, cáo thọ *Kiến công đô hús*, thụ là *Tráng
hiển, Phó hộ quân hiệu* :

Tứ đẳng thị vệ; Tuyên hús phó sứ; Phòng ngự sứ; Nam
bắc tào phó quản lãnh; Tập âm phi kị hús; Kinh vệ chánh đội
trưởng suất đội; ngũ quân, các cơ cai đội; các tỉnh, vệ, cơ,
cai đội; Dực bảo, Giám thành, Vòng thành, Thù hộ, các phủ
thuộc binh, cai đội.

Chánh lục phẩm, sắc thọ *Tán tiết kị hús*, thụ là *Hùng
kính, Bộ quân hiệu* :

Ngũ đẳng thị vệ; Nam bắc tào đồn vận; Hộ vệ trường; chư quan tân thủ, thủ ngũ; Thuận-an phòng hải vệ, cai đội; Hưng-bình du mộc nhị bảo, cai đội; Thuộc binh cai đội; Hưng-hóa, Tuyên-quang, Lạng-sơn các cơ, cai đội; Hiệu Thuận-cơ chánh đội trưởng suất đội; chư Tỉnh các vệ cơ chánh đội trưởng suất đội; Trần-dĩnh, Trần-man, Lạc-hóa, An-biên các cơ cai đội; Tùng-thiện, Thiên-thiện, Qui-thiện, An-thiện cùng các tỉnh Thổ binh cai đội.

Tùng lục phẩm sắc thọ *kính tiết tá kị húc*, thụ là *Hùng tiết*, *Phó bộ quân hiệu* :

Tuyên húc đồng tri; Tập âm ân kị húc; Trợ quốc lang; Thuộc binh chánh đội trưởng suất đội; Ninh-bình sập ra Bắc, mộ binh các cơ chánh đội trưởng suất đội; Tùng-thiện, Thiên-thiện, Qui-thiện, An-thiện chánh đội trưởng suất đội.

Chánh thất phẩm, sắc thọ *Hiệu trung kị húc*, thụ là *Hùng quá* :

Tại kinh chư dinh vệ đội trưởng; ngũ quân chánh đội trưởng; Định đông chánh đội trưởng; Nội tạo các cuộc tượng chánh ti tượng; Hòa đình nhạc trưởng; Thanh bình ca trưởng; Thiên hộ.

Tùng thất phẩm, sắc thọ *hiệu trung tá kị húc*, thụ là *Hùng cảm* :

Hưng bình du mộc nhị bảo chánh đội trưởng; phó Thiên hộ; Nam bắc tào lãnh vận Thiên tổng; chư trạm dịch thừa; chư tỉnh vệ cơ đội trưởng; Tập âm phụng ân húc; Nội tạo các cuộc tượng, phó ti tượng.

Chánh bát phẩm, sắc thọ *trung tín hiệu húc*, thụ là *Đông kiến* :

Hòa bình nhạc trường; Thanh bình ca trường; Chánh bát phẩm bá hộ; các cuộc tượng chánh ti tượng; Hưng-bình du mộc nhị bảo đội trường; chư trạm dịch mục; Thuận-an tân phòng hải vệ đội trường; Tùng-thiện, Thiên-thiện, Qui-thiện, An-thiện đội trường.

Tùng bát phẩm, sắc thọ *trung tín tá hiệu huy*, thụy là *Đông mậu* :

Tùng bát phẩm bá hộ; các cuộc tượng phó ti tượng; Tập âm thừa ân huy.

Chánh cửu phẩm, sắc thọ *hiệu lực hiệu huy*, thụy là *Đông lệ* :

Các cuộc tượng, tượng mục; chánh cửu phẩm bá hộ.

Tùng cửu phẩm, sắc thọ *hiệu lực tá hiệu huy*, thụy là *Đông mấn* :

Tùng cửu phẩm bá hộ; các hộ hộ trường; các huyện lệ mục; các cuộc tượng phó tượng mục.

THUY TẶNG XUNG HIỆU, 謚贈稱號

TITRE HONORIFIQUE CONFÉRÉ AUX MORTS QUI ONT BIEN MÉRITÉ
DE LA PATRIE.

Nhứt phạm, xưng mỗ tánh công; nhì phạm chí tứ phạm, xưng mỗ tánh hầu; ngũ phạm dĩ hạ, xưng mỗ tánh phủ quân.

TÔN TƯỚC, 尊爵

DES TITRES DES PRINCES.

Thần vương, Quận vương, Thân công, Quốc công, Quận công, Huyện công, Hương công, Huyện hầu, Hương hầu, Kỳ ngoại hầu, Kỳ nội hầu, Đình hầu, Trợ quốc khanh, Tá quốc khanh, Phụng quốc khanh, Trợ quốc hủý, Tá quốc hủý, Phụng quốc hủý, Trợ quốc lang, Tá quốc lang, Phụng quốc lang.

MẠNG PHỤ, 命婦

ÉPOUSES DE GRANDS MANDARINS AYANT UN TITRE HONORIFIQUE.

Nhứt nhì phẩm viết *Phu nhơn*; Tam phẩm viết *Thục nhơn*; Tứ phẩm viết *Cung nhơn*; Ngũ phẩm viết *Nghi nhơn*; Lục, thất phẩm viết *An nhơn*; Bát cửu phẩm viết *Nhu nhơn*.

LỆ ĐỊNH CÁC HẠNG ĐIỂN THO DUNG THƯỚC MỘC MÀ ĐO.

RÈGLEMENTATION DE L'IMPÔT FONCIER ET DES SALINES

(La mesure étant la coudée annamite qui est de 0,48726).

Bể hoành một thước, bể dài 150 thước, kể là một thước đo ruộng theo phép Annam.

Bể hoành 15 thước, bể dài 150 thước, kể là một sào.

Bể hoành, bể trường đều 150 thước, thì kể là một mẫu Annam. Cho nên mới nói rằng : *Hữu phương mẫu, vô phương cao*. Nghĩa là đền mẫu mới có vuông, sào không có vuông.

Thảo điền một mẫu... { Thuê lúa một học (26 thăng);
Thập vật 3 tiền.

Sơn điền một mẫu... { Thuê lúa 23 thăng;
Thập vật cũng 3 tiền.

Ruộng muối một mẫu : Thuê muối bảy vuông (10 thăng, vuông nhỏ).

Tang căn ; viên tiêu ; cam giá ba hạng đất : mỗi mẫu thuê tiền 2 quan.

Viên lang ; phù viên hai hạng đất : mỗi mẫu thuê tiền 2 quan 4 tiền.

Dân cư (chợ búa) ; thổ trạch (thổ cư) ; vu đậu ba hạng đất : mỗi mẫu thuê tiền 8 tiền.

Thanh trúc ; dà diệp hai hạng đất : mỗi mẫu thuê tiền là 4 tiền.

Lệ định hể chi thâu xuất nhập lương, lúa đều dùng học, gạo thì dùng vương.

Một học là 2 phương (vương).

Vương lớn 13 thăng.

Vương nhỏ 10 thăng.

Thăng 10 cấp cho tới thước, sao, toát; quẻ đều lấy con 10 mà tính.

ĐẠI PHÁP LỆ ĐỊNH ĐIỀN THỔ CÁC HẠNG,
HAI MÀU NAM LÀM MỘT MÀU TÂY

TARIF DE L'IMPÔT FONCIER D'APRÈS LES RÈGLEMENTS FRANÇAIS.

Lệ định trường hoành đều 100 thước Tây thì là một mẫu Tây, xò ra thước thì là một muôn thước Tây vương vức.

Thảo điền mỗi mẫu, trước định là 11 quan 8 tiền, sau lại định là 11 quan trơn, bây giờ cải lại còn 8 quan.

Sơn điền mỗi một mẫu, trước định là 10 quan 8 tiền; sau cải là 9 quan 8 tiền, bây giờ cải lại là 4 quan.

Ruộng muối mỗi mẫu cứ sô muối làm được 25 phần thâu một phần.

Tang căn, hô ma, tây qua, nghĩa là đất dầu, mè, dưa, trước định 10 quan, nay cải 4 quan.

Cam giá, mạch, ma trừ, nghĩa là đất mía, bắp, gai, trước định 10 quan, nay cải 4 quan.

Viên tiêu, yên được, nghĩa là vườn tiêu, đất trồng thuốc, trước định 10 quan, nay cải 12 quan.

Viên lang, da quả, thanh hoa, nghĩa là vườn cau, dừa cùng thanh bông, trước định là 6 quan, nay cải 12 quan.

Phù viên, bá nhân lẻ, nghĩa là vườn trâu, rày thơm, trước định 6 quan, nay cải 12 quan.

Dân cư thổ trạch, vu đậu, trước định 4 quan, bây giờ cũng vậy.

Thanh trúc, đà diệp, nghĩa là tre, dừa nước, trước định 2 quan, nay cải 2 quan 4 tiền 30 đồng.

PHÉP KÈ CÔNG ĐẤT GIỐNG VỚI MẪU TÂY.

MESURES DE SUPERFICIE ANNAMITES COMPARÉES AUX MESURES
DE SUPERFICIE FRANÇAISES.

Mỗi công trường hoành là 12 tấm.

Mỗi tấm là 5 thước Annam.

12 tấm Annam, thì là 60 thước Annam ;

Mỗi công đo trường hoành đều được 60 thước Annam, nhưn với nhau thì được 360 thước Annam.

Mỗi thước Tây bằng 2 thước 4 tấc Annam, 60 thước Annam kẻ được 25 thước Tây ; vậy thì mỗi công đo trường hoành đều được 25 thước Tây.

Một mẫu Tây đo trường hoành đều 100 thước Tây, kẻ ra công thì trường hoành đều được 4 công ; nhưn bề trường hoành mỗi mẫu Tây được 16 công ; xỏ ra thước thì mỗi bề được 240 thước Annam, nhưn với nhau, thì mỗi mẫu Tây được 57,600 thước Annam.

TABLEAU DES MATIÈRES

PREMIÈRE PARTIE

	Pages.
République française. — Nhà nước Langsa.....	5
Ministères. — Triều đình, bộ viện.....	5
Cochinchine française. — Nam-kỳ thuộc địa Langsa.	6
Gouverneur de la Cochinchine. — Thông đốc Nam-kỳ.	6
Conseil privé. — Phòng hiệp nghị.....	7
Députation. — Cuộc phái thân sĩ.....	7
Conseil colonial. — Hội đồng Quản hạt.....	7
Conseil d'arrondissement. — Hội nghị sự địa phận.	7
Conseil de défenses. — Hội nghị việc thù bị.....	7
Corps de la marine. — Bộ thuộc bên thủy.....	8
Arsenal. — Kho thủy, thuyền chánh.....	8
Service militaire. — Việc binh.....	9
Direction d'artillerie. — Cuộc quản đốc về súng lớn.	9
Direction du génie. — Cuộc đốc lãnh công vụ theo việc binh.....	9
Gendarmerie. — Cuộc tuần thành.....	9
Artillerie. — Cuộc mã pháo, súng lớn.....	9
Infanterie de la marine. — Cuộc binh bộ theo việc thủy.....	9
Justice militaire. — Quân chánh.....	10
Commissariat — Đạo lãnh việc lương từ	10

	Pagos.
Inspection des services administratifs et financiers de la marine et des colonies. — Đạo Giám sát việc binh lương thuộc về thủy cùng các quân hạt....	11
Service médical. — Ti điều hộ.....	11
Conseil de santé. — Hội lương y.....	11
Conseil d'hygiène. — Hội bảo sanh.....	11
Service pharmaceutique. — Cuộc dự trữ bào chế thuốc Tây.....	11
Direction de l'intérieur. — Thông lý nha sở.....	12
Secrétariat général et cinq bureaux. — Phòng Tá lãnh hiệp lý cùng năm phòng việc.....	12
Bureau des interprètes. — Phòng thông ngôn.....	14
Inspecteurs et administrateurs. — Các giám đốc cùng các tham biện.....	14
Garde. — Thuộc binh.....	15
Instruction publique. — Quốc học, việc dạy học...	16
Service de l'enregistrement, etc. — Cuộc coi việc sổ bộ, văn vản.....	17
Section du cadastre et de la topographie. — Ti khám đạc cùng sở họa đồ.....	18
Administration des contributions indirectes. — Sở coi về thuế ngoại ngạch.....	19
Direction des travaux publics. — Cuộc hay việc tạo tác.....	19
Poste et télégraphes. — Nhà thơ, dây thép.....	20
Trésor. — Kho tiền bạc.....	21
Poids et mesures. — Cân lường.....	21
Direction du port de commerce. — Cuộc hay về cửa buôn bán.....	22
Service de l'immigration. — Cuộc tân đáo.....	22

	Pages.
Police municipale. — Cuộc tuần sai	22
Police de sûreté. — Cuộc thám sai.....	22
Prison centrale. — Khám chánh.....	23
Service sanitaire. — Huệ dân cuộc.....	23
Hôpital de Chợ-quán. — Nhà thương Chợ-quán...	23
Imprimerie coloniale — Cuộc nhà in quán hạt....	24
Jardin botanique. — Vườn thảo mộc	24
Commission de l'assistance publique. — Hội phái viên coi về việc làm phước.....	24
Chambre de commerce. — Phòng thương chánh..	25
Inspecteur de l'agriculture. — Điền nông.....	25
Service judiciaire. — Việc hình, luật chánh.....	25
Comité agricole et industriel. — Hội coi về việc làm ruộng làm nghề.....	29
Phares et feux de la colonie. — Vọng đăng, đèn vọi.	29
Compagnies d'assurances. — Công ti bảo hiểm....	29
Mont-de-piété. — Cuộc cầm đồ	29
Ville de Saigon. — Cuộc thành phố Saigon	29
Mairie. — Nhà hội.....	29
Ministère de la marine et des colonies. — Phụ biên về Bộ thủy kiểm các quán hạt.....	30
Titres principaux. — Phụ các chức lớn hai bên văn võ	31
Titres honorifiques. — Tước thưởng.....	33
Légion d'honneur. — Tước thưởng.....	33
Protectorat. — Phép bảo hộ (chức mới).....	33

DEUXIÈME PARTIE

Lục bộ. — Les six Ministères.

	Pages.
Lại bộ. — Ministère de l'intérieur.....	35
Hộ bộ. — Ministère des finances.....	37
Lễ bộ. — Ministère des rites.....	38
Binh bộ. — Ministère de la guerre	39
Hình bộ. — Ministère de la justice.....	40
Công bộ. — Ministère des travaux publics	41
Thái sư, Thái phó, Thái bảo. — Titres principaux.	42
Tôn nhơn phũ. — Assemblée des princes du sang..	42
Kinh quan : Tể tướng, Tam công. — Principaux mandarins attachés à la capitale.....	43
Nội các. — Secrétariat impérial	44
Cơ mật viện. — Conseil privé, Conseil d'État, Chambre haute	46
Tập hiền viện. — Conseil impérial	47
Đô sát viện. — Inspecteurs généraux.....	47
Thông chánh sứ ti. — Direction des postes.....	48
Đại lý tự. — Cour d'appel	49
Thái thường tự. — Commission chargée des cérémonies en général et du culte.....	49
Quang lộc tự. — Commission chargée des sacrifices.	49
Thái bộc tự. — Commission chargée de pourvoir au moyen de transports de Sa Majesté	50
Hồng lô tự. — Commission chargée des préparatifs dans les cérémonies d'examen.....	50

	Pages.
Hàn lâm viện. — Académie.....	50
Quốc tử giám. — Instruction publique.....	51
Tôn học sở. — Lycée consacré à l'instruction des Princes.....	52
Tam đường. — Les trois collèges.....	52
Thái y viện. — Service de santé.....	53
Khâm thiên giám. — Observatoire.....	53
Thiệm sự phủ. — Bibliothèque nationale.....	54
Nội vụ phủ. — Commissaires chargés de la direction des trésors, magasins et musées.....	55
Thị vệ xứ. — Garde impériale.....	55
Hành nhơn ti. — Bureau des interprètes.....	55
Vô bang chức chế. — Service militaire.....	56
Tại quân kinh hiệu. — Titre de soldats et miliciens de la capitale.....	57
Phủ Thừa-thiên. — Préfecture de la capitale.....	58
Thuộc phủ kinh huyện. — Sous-préfets de la capitale.	60
Nhị thành nguyên thiêc. — Ancienne dénomination de Gia-dinh et du Tonkin.....	61
Trần Tày nguyên thiêc. — Ancien Cambodge.....	62
Các tỉnh Đốc, Phủ. — Vice-roi, Gouverneur de province.....	64
Các tỉnh Bô, An. — Chef d'Administration, Chef de service judiciaire.....	67
Độc học, Giáo thọ, Huân đạo. — Directeur de l'enseignement.....	70
Các tỉnh chánh, phó Lãnh binh. — Service militaire des provinces.....	71
Các phủ, huyện. — Phủ, huyện.....	72
Phủ, huyện thuộc lại. — Subalternes de phủ, huyện.	73

	Pages.
Cai tổng, phó tổng. — Chef et sous-chef de canton.	74
Văn giai. — Grade des mandarins civils.....	75
Võ giai. — Grade des mandarins militaires.....	79
Thụy tặng xưng hiệu. — Titre honorifique conféré aux morts qui ont bien mérité de la patrie.....	82
Tôn tước. — Des titres principaux.....	83
Mạng phụ. — Épouses de grands mandarins ayant un titre honorifique.....	83
Lệ định các hạng điền thổ dùng thước mộc mà đo. — Règlementation de l'impôt foncier et des salines (la mesure étant la coudée annamite qui est de 0,48726).....	84
Dại pháp lệ định điền thổ các hạng, hai mẫu Nam làm một mẫu Tây. — Tarif de l'impôt foncier d'après les règlements français.....	85
Phép kê công đất giống với mẫu Tây. — Mesures de superficie annamites comparées aux mesures de superficie françaises.....	86



DU MÊME AUTEUR ONT PARU :

- 1^o *Traité d'arpentage ;*
 - 2^o *Recueil de maximes ;*
 - 3^o *Chuyện-gidi-buôn ;*
 - 4^o *Suite de Chuyện-gidi-buôn ;*
 - 5^o *Gia-lé ;*
 - 6^o *Sách bác học (Simples lectures sur les sciences) ;*
 - 7^o *Recueil des actes officiels en caractères chinois ;*
 - 8^o *Sách quan chế.*
-

Acme
Bookbinding Co., Inc.
360 Summer Street
Boston, Mass. 02210



THE BORROWER WILL BE CHARGED
AN OVERDUE FEE IF THIS BOOK IS
NOT RETURNED TO THE LIBRARY ON
OR BEFORE THE LAST DATE STAMPED
BELOW. NON-RECEIPT OF OVERDUE
NOTICES DOES NOT EXEMPT THE
BORROWER FROM OVERDUE FEES.



Từ nhà kho Quán Ven Đường